



Cho trái đất luôn xanh

CON ĐƯỜNG & ÁNH SÁNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH



KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

- ▶ Thông tin khái quát
- ▶ Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh
- ▶ Các sản phẩm tiêu biểu

Tóm tắt kết quả kinh doanh năm 2014

Một số thông tin tài chính cơ bản

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

MỤC LỤC

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Tầm nhìn - Sứ mệnh
- Quá trình hình thành - phát triển

PHẦN 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Nhân sự và chính sách cho người lao động
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Giới thiệu Ban Điều hành
- Quản trị theo giá trị
- Các công ty con và công ty liên kết

PHẦN 3: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Năng lực cốt lõi
- Chiến lược và kế hoạch kinh doanh 2015 – 2020
- Quản trị rủi ro

PHẦN 4: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

- A. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- B. Tổ chức và nhân sự
- C. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- D. Tình hình tài chính
- E. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

PHẦN 5: CÁC BÁO CÁO – ĐÁNH GIÁ

- F. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
- G. Đánh giá của Hội đồng Quản trị
- H. Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm soát

PHẦN 6: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- I. Hội đồng Quản trị
- J. Ban Kiểm soát
- K. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

PHẦN 7: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2014

- L. Ý kiến kiểm toán
- M. Báo cáo tài chính đã kiểm toán

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

MÃ CHỨNG KHOÁN: TTF

Tên tiếng Anh: Truong Thanh Furniture Corporation

Tên viết tắt: TTFC hoặc TTF

Giấy CNĐKKD: Số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần 14 ngày 13 tháng 1 năm 2015

VỐN ĐIỀU LỆ:

1.000.671.000.000 VND

(Một ngàn tỷ sáu trăm bảy mươi một triệu đồng)

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

1.000.671.000.000 VND

(Một ngàn tỷ sáu trăm bảy mươi một triệu đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính:

- ▶ Sản xuất, mua bán và xuất khẩu các loại đồ gỗ, ván dăm PB, ván ép, ván lạng và ván sàn;
- ▶ Trồng rừng, sản xuất;
- ▶ Mua bán nguyên vật liệu ngành chế biến gỗ;
- ▶ Sản xuất và mua bán bao bì giấy

Địa bàn kinh doanh:

- ▶ Trên 30 quốc gia trên thế giới bao gồm Châu Âu (Anh, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha...), Mỹ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Nam Phi, Nga...
- ▶ Tại Việt Nam bao gồm TP.HCM, Tây Ninh, Bình Dương, Đà Lạt, Dak Lak, Dak Nong, Bến Tre, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Nha Trang, Bình Định, Đà Nẵng, Huế, Hà Nội...

LOGO CỦA CÔNG TY:



Trụ sở chính: Đường ĐT 747, Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84-0650) 3642 004
Fax: (84-0650) 3642 006
Email: in@truongthanh.com
Website: www.truongthanh.com

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



SẢN PHẨM NỘI THẤT



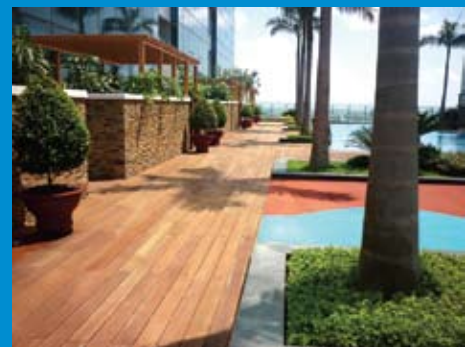
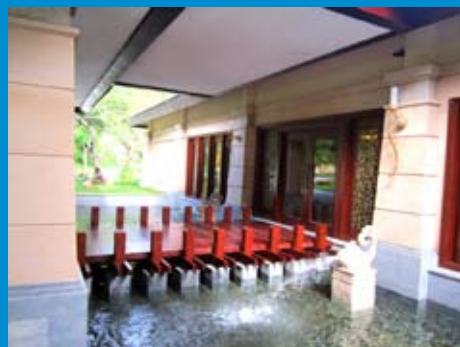
SẢN PHẨM
NGOẠI THẤT



SẢN PHẨM VÁN SÀN



SẢN PHẨM CỬA GỖ



SẢN PHẨM DÀNH CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT

TÓM TẮT

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2014

Tổng
doanh số
hợp nhất
đạt:

1.461.989.162.084 đồng,
giảm 1% so với 2013

Lợi nhuận
sau thuế
của cổ
đông của
Công ty
mẹ đạt:

70.619.947.535 đồng,
tăng 18 lần so với 2013

THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

A. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Diễn giải	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng doanh thu	2.188	3.015	2.625	1.550	1.461
Lợi nhuận gộp	357	362	335	305	276
Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu thuần	16,46%	12,07%	12,75%	19,74%	18,89%
Chi phí tài chính	208	292	241	219	63
Chi phí bán hàng	29	28	18	13	20
Chi phí quản lý	96	109	89	78	104
Lợi nhuận trước thuế	43,72	16,99	(0,70)	(4,17)	105
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	39,02	9,29	2,50	3,87	71
EPS (đồng)	1.249	297	74	76	911

B. Cân đối kế toán tại thời điểm 31/12:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Diễn giải	2010	2011	2012	2013	2014
Tài sản ngắn hạn	1.955	2.559	2.539	2.786	3.255
Tài sản dài hạn	680	780	759	732	758
Tổng tài sản	2.635	3.339	3.298	3.518	4.013
Nợ ngắn hạn	1.720	2.418	2.318	2.418	2.628
Nợ dài hạn	120	124	192	152	133.348
Tổng Nợ phải trả	1.840	2.542	2.510	2.570	2.762
Vốn Chủ sở hữu	678	687	682	852	1.155
Lợi ích của cổ đông thiểu số	117	110	96	106	
Tổng cộng nguồn vốn	2.635	3.339	3.298	3.518	4.012

THÔNGIỆP
CỦA CHỦ TỊCH
HĐQT



Kính thưa Quý Cổ đông!

Như Quý Cổ đông đã biết, trong suốt thời gian 2013 và 2014 vừa qua, Công ty chúng ta ở trong tình trạng vô cùng khó khăn. Xuất phát từ hàng tồn kho lớn, đòn bẩy nợ cao, dẫn đến các công ty trong Tập đoàn đã phải trả lãi rất lớn cho ngân hàng trong nhiều năm qua (trung bình 230 tỷ/năm). Việc này đã làm mất hết lợi nhuận và gây áp lực ngân lưu rất lớn với Công ty, chưa kể một số ngân hàng đã cắt giảm hạn mức trong năm 2013 và 2014 càng làm cho nguồn vốn lưu động của Công ty khó khăn thêm. Việc thiếu ngân lưu này đã làm khó khăn trong điều hành, giảm mức sản xuất đáng kể của Công ty trong năm 2014 và Công ty đã không đáp ứng được tiến độ giao hàng cho khách, giảm uy tín thương hiệu và mất đi một số khách hàng. Công ty cũng đã nhiều lần suýt rơi vào tình trạng ngưng hoạt động khi nguồn tiền thu về không kịp để trả lương cho công nhân và mua nguyên vật liệu để sản xuất. Mãi đến tháng 9/2014, khi cuộc họp với các ngân hàng chủ nợ được tổ chức bởi Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, nhằm tháo gỡ khó khăn cho TTF thông qua việc các ngân hàng dẫn nợ và lãi vay để Công ty có vốn hoạt động, thì mới tránh được nguy cơ mất khả năng hoạt động liên tục nêu trên. Tuy nhiên, đây chỉ là giải pháp ngắn hạn vì các ngân hàng không thể gia hạn mãi được. Còn nếu chỉ được gia hạn nợ mấy tháng mà Công ty cũng không có giải pháp nào căn cơ thì nguy cơ ngưng hoạt động của Công ty sẽ rất cao, vì Công ty cũng không có khả năng trả nợ đúng hạn cho ngân hàng. Khi đó các ngân hàng sẽ phải khởi kiện và sẽ thực hiện bán tài sản qua hình thức đấu giá thông thường, rất chậm chạp theo qui định vì Công ty cũng sẽ không thể bán tài sản quá rẻ làm thiệt hại cho hàng ngàn cổ đông.

HĐQT và Ban Điều hành Công ty không thể để việc này xảy ra, chính vì vậy, đã hết sức nỗ lực chủ động tìm kiếm và chào bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài (NĐTNN). Sau khi khảo sát, thẩm định đánh giá TTF, các NĐTNN đều đưa ra điều kiện tiên quyết là ít nhất 30% dư nợ vay cần chuyển thành vốn góp vào Công ty hoặc các giải pháp tương tự để thay đổi được đòn bẩy nợ đáng kể - thay đổi triệt để trạng thái tài chính của công ty. Chúng ta cũng biết rằng điều này là rất khó khăn vì thật khó có sự đồng nhất của đa số ngân hàng chủ nợ.

Kính thưa Quý Cổ đông!

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cùng với sự tư vấn của các cổ đông lớn cũng như nhà đầu tư nước ngoài đã hết sức nỗ lực để thiết lập một kế hoạch tái cấu trúc tài chính và tái cơ cấu Công ty. Chúng ta cũng may mắn nhận được sự giúp đỡ quý báu - đầy hiệu quả từ các cấp quản lý Nhà nước tại địa phương và trung ương. Vì vậy, TTF đã có một con đường tốt để đi tới, như thông điệp chuyển tải trong hình trang bìa của Báo cáo Thường niên này, và đây sẽ là cách căn cơ để vượt qua khó khăn, từ đó đưa Công ty trở lại thời kỳ phát triển mạnh mẽ.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tin tưởng Đại hội Cổ đông lần này sẽ sáng suốt như một hội nghị Diên Hồng trong lịch sử dân tộc để thông qua một kế hoạch phát hành, đồng thuận cho phép sự tham gia của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, giúp Công ty thực hiện được kế hoạch kinh doanh dài hạn: quốc tế hóa Công ty, hàng hóa của TTF sản xuất được phân phối ra thế giới bằng thương hiệu toàn cầu.

Mặc dù đã hết sức nỗ lực, vững vàng để tìm ra giải pháp tốt cho Công ty và sẽ mãi cố gắng thực hiện kế hoạch một cách hết sức nỗ lực - hiệu quả, Ban Điều hành nhận thức được việc yếu kém của mình trong quản trị Công ty, điều hành sản xuất kinh doanh... đem lại hậu quả xấu là không có lợi nhuận đáng kể trong một thời gian dài. Khủng hoảng kinh tế cũng chỉ là một lý do nổi bật chứ không thể là bình phong để chúng tôi núp vào mà quên đi việc cải tiến năng lực và hiệu quả quản trị của mình. Ban Điều hành cam kết với cổ đông sẽ cố gắng hết sức mình, bất chấp các lợi ích cá nhân, để thực hiện bằng được kế hoạch tái cấu trúc, giữ vững vị thế đầu ngành chế biến gỗ của Công ty tại Việt Nam và có lợi nhuận đáng kể ngay trong năm 2014 này, như mong đợi của cổ đông.

Kính thưa Quý Cổ đông!

Chúng ta đã bắt đầu khai thác rừng vài tháng qua, bắt đầu chu kỳ khai thác luân kỳ trong vài chục năm tới. Đây là nguồn lợi nhuận tiềm năng, đủ sức cân đối được phần lỗ tiềm tàng của việc giải phóng tồn kho sắp tới, dự kiến từ tháng 7 đến cuối năm thì chúng ta sẽ tiêu thụ được đáng kể gỗ nguyên liệu tồn kho thông qua sự thành công của việc mua bán nợ.

Tôi tin tưởng, với chính sách minh bạch của Công ty chúng ta, sự tận tụy chia sẻ thông tin với các cổ đông của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ nhận được sự thông cảm, chia sẻ và chỉ đạo của Đại hội Đồng Cổ đông. Đó là động lực to lớn, quý báu giúp Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành lèo lái con thuyền TTF vượt qua giông bão cũng như các khó khăn còn phía trước.

Chân thành cảm ơn sự đồng hành của tất cả Quý vị.

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc


VÕ TRƯỜNG THÀNH

GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. TÂM NHÌN

► **DUY TRÌ VỊ THẾ DẪN ĐẦU NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ CỦA VIỆT NAM, VÀ TRỞ THÀNH TOP 50 NHÀ SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT KHẨU SẢN PHẨM GỖ CÓ DOANH SỐ LỚN NHẤT THẾ GIỚI TỪ NĂM 2025**

► **DUY TRÌ THƯƠNG HIỆU ĐỨNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC CUNG CẤP SẢN PHẨM GỖ TẠI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA;**

► **TRỞ THÀNH TOP 3 NHÀ TRỒNG RỪNG TƯ NHÂN (CÓ HOẠT ĐỘNG CHẾ BIẾN GỖ) CÓ DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG LỚN NHẤT KHU VỰC ASEAN TỪ NĂM 2025.**

Giải thích về Tâm nhìn của TTF:

► Với quy mô 3 cụm nhà máy trải dài từ Phú Yên, Dak Lak đến Bình Dương, TTF có công suất thiết kế khoảng 6.000 containers/ năm (tương đương 54.000m³ tinh/năm) để tạo ra doanh thu trên 3.000 tỷ đồng/năm (như năm 2011 đã từng đạt được). Trong năm 2014, Công ty vừa trở mình gượng dậy sau đợt khủng hoảng ngân lưu nên doanh số chỉ đạt 1.461 tỷ tương đương 50% công suất thiết kế, mặc dù vậy xét về qui mô doanh số TTF vẫn nằm trong TOP 5 các nhà sản xuất – xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam. Trong khi đó, Việt Nam cũng đã qua mặt Malaysia để trở thành quốc gia xuất khẩu đồ gỗ nhiều nhất khu vực. Đó chính là động lực để TTF thực sự hướng sự phát triển của mình vươn ra trên toàn khu vực và mong muốn trở thành TOP 50 trên toàn thế giới từ năm 2025

► Ngoài lợi thế về chính sách "Bán hàng Lẻ với giá Sỉ" tại thị trường Nội địa, TTF còn luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm, an toàn cho người sử dụng và mẫu mã mới. Do đó sau hơn 7 năm xâm nhập thị trường trong nước, Công ty đã có hơn 40 điểm bán

hàng trên toàn quốc và đã khai trương cửa hàng siêu thị nội thất đầu tiên tại Hà Nội vào tháng 3 năm 2015. Dự kiến trong năm 2015 sẽ mở thêm hai siêu thị nội thất tại TP. Hồ Chí Minh.

► Ngoài ra TTF còn là nhà cung cấp dịch vụ - thi công trang trí nội thất đáng tin cậy cho các công trình cao cấp tại Việt Nam như các công trình của Tập đoàn Vingroup, Coteccons, Sovico, Đất xanh...và nhiều nhà đầu tư BĐS danh tiếng khác. Vì vậy TTF tự tin với tầm nhìn duy trì thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm gỗ tại thị trường nội địa

► Từ năm 2007, TTF đã bắt đầu dự án mua và trồng 100.000 ha rừng sản xuất tại Việt Nam. Hiện tại, Công ty đang sở hữu 13.000 ha rừng đã trồng. Để tăng cường tiềm lực tài chính, Tập đoàn Trường Thành cũng đã liên doanh với đối tác Nhật bản là Tập đoàn Giấy OJI (hàng đầu của Nhật Bản, và đứng hàng thứ 6 trên toàn thế giới) để thực hiện các dự án của mình. Do đó, chúng tôi có niềm tin sẽ trở thành Top 3 nhà trồng rừng tư nhân (có hoạt động chế biến gỗ) có diện tích rừng trồng lớn nhất khu vực ASEAN từ năm 2025



2. SỨ MỆNH

- Mang “cơ hội lợi nhuận” đến cho nhiều nhà nhập khẩu, bán sỉ và phân phối đồ gỗ trên thế giới, cũng như các đại lý và hệ thống liên kết phân phối tại Việt Nam;
- Luôn gia tăng sự thỏa mãn của khách hàng theo các tiêu chí đã đề ra: giá cả cạnh tranh, giao hàng đúng hạn, chất lượng đúng thỏa thuận, luôn cải tiến – sáng tạo và phục vụ tốt nhất;
- Mang đến cho cuộc sống những sản phẩm gỗ đẹp mắt, tiện dụng, an toàn, làm cho người sử dụng cảm thấy thoải mái, hạnh phúc và tự tin hơn;
- Kiến tạo và nuôi dưỡng một "văn hóa Trường Thành" - môi trường làm việc thật khoẻ khoắn và sáng tạo, tôn trọng và vui vẻ, mà trong đó công sức của CBCNV luôn được đền đáp công bằng và xứng đáng; đồng thời, CBCNV được khuyến khích luôn tôn trọng khách hàng cũng như chất lượng sản phẩm của Công ty. Thường xuyên mang đến cho những CBCNV có năng lực, nhiệt tình, thâm niên những cơ hội trở thành người chủ thật sự của Công ty thông qua các chương trình ESOP. Luôn chú trọng công tác đào tạo - huấn luyện để giúp người lao động có đủ tự tin và năng lực, nhằm nâng cao hiệu suất làm việc và đủ khả năng đảm trách những vị trí quan trọng hơn;
- Phát triển trồng rừng sản xuất tại Việt Nam, góp phần bảo vệ môi trường, chống phá rừng trên toàn thế giới, để TTF nói riêng và ngành chế biến gỗ nói chung có thể phát triển bền vững, bên cạnh việc đóng góp vào việc chống lại sự biến đổi của khí hậu – làm tăng lên mức sạch cho sinh quyển;

3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH - PHÁT TRIỂN

CÂU CHUYỆN KHỞI NGHIỆP CỦA ÔNG **VÕ TRƯỜNG THÀNH** NGƯỜI SÁNG LẬP TẬP ĐOÀN:



Sau giải phóng, ở Tây Sơn, Bình Định thiếu nhiều giáo viên. Ông Võ Trường Thành được đưa đi đào tạo sư phạm cấp tốc mấy tháng rồi về dạy. Tuy nhiên, ông Thành nghĩ mình không được đào tạo một cách bài bản thì làm nghề giáo sẽ không ổn lắm. Vì vậy, sau hai năm dạy học, ông đã xin nghỉ và vào Sài Gòn, cùng một số bạn bè đăng ký đi thanh niên xung phong. Đó là thời điểm năm 1983. Sau một thời gian ngắn, ông Thành được chuyển qua làm việc tại một xí nghiệp chế biến gỗ của nhà nước, đó là thời điểm ông bước chân vào cái nghiệp gỗ này. Với sự năng động, tận tụy trong công việc, ông được đề bạt làm giám đốc doanh nghiệp quốc doanh ở tuổi 28.

Trong suốt 10 năm là thanh niên xung phong thì đến 8 năm ông làm ngành khai thác và chế biến gỗ. Do đó, khi ông quyết định ra kinh doanh riêng là ông nghĩ ngay đến nghề gỗ này. Đến năm 1992, ông được phục viên. Gom góp, vay mượn thêm của gia đình được một số tiền nhỏ trị giá khoảng 3000 đô la Mỹ, ông thành lập cơ sở nhỏ chế biến gỗ tại EaH'leo – Dak Lak, do ông rất thông thuộc địa bàn Dak Lak và vốn liếng không có đủ để làm ở Sài Gòn. **Năm 1993, cơ sở được nâng lên là doanh nghiệp, lấy tên Xí nghiệp Tư doanh Chế biến Gỗ Trường Thành.**

NĂM 2000

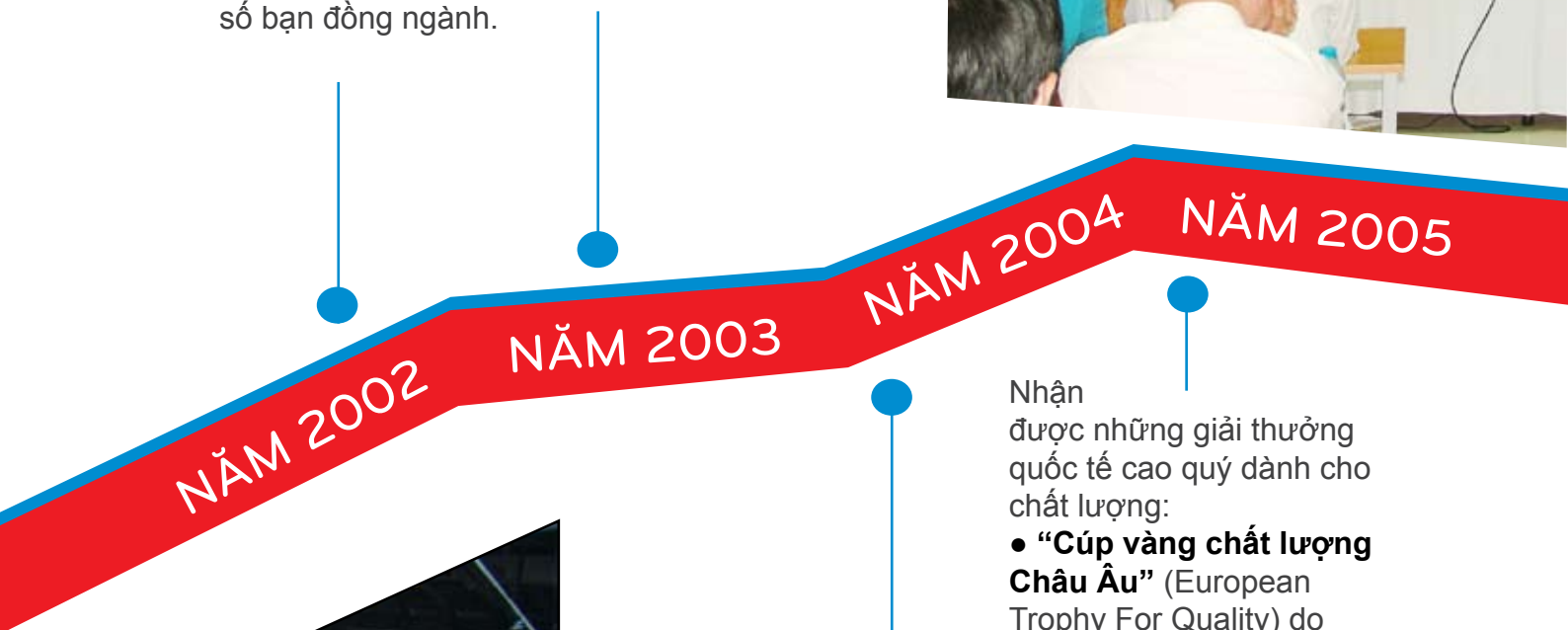
Sau 8 năm khởi nghiệp và chuyển đi du học về quản trị kinh doanh tại Mỹ, Ông Võ Trường Thành đã tìm đến Bình Dương, mua lại nhà máy VINAPRIMART của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tiên của tỉnh, chuyên sản xuất dũa gỗ, để chuyển thành nhà máy chế biến ván sàn và đồ gia dụng nội – ngoại thất bằng gỗ cho thị trường xuất khẩu, chính thức thành lập **Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF)**

NĂM 2001

Sau khi thành lập phòng tiếp thị quốc tế, với biên chế vốn vẹn 2 người, với bức xúc khi bị quá nhiều thiệt thòi vì phải bán hàng xuất khẩu qua trung gian, TTF đã mạnh dạn “mang quân đi đánh xứ người” tại những hội chợ chuyên ngành quốc tế tại Singapore, Mỹ và Nhật Bản, tiếp cận hơn 300 khách hàng mới, **bắt đầu bán hàng trực tiếp vào các hệ thống siêu thị** hàng đầu Châu Âu như Carrefour, Homebase ... và những khách hàng nổi tiếng như Lapeyre, Alexander Rose...

Với uy tín về chất lượng và giao hàng đúng hẹn, TTF đã nhận được rất nhiều đơn hàng, lớn hơn công suất sản xuất nội tại. Từ đó, Công ty bắt đầu chuyển một số đơn hàng ra cho một số bạn đồng ngành.

Ý thức cao trong việc “giữ chân” nhân tài, Ông Võ Trường Thành đã cùng Hội đồng Thành viên quyết định **chuyển loại hình công ty "TNHH" sang "cổ phần"** với chương trình ưu đãi cho một số cán bộ chủ chốt mua cổ phần với giá bằng mệnh giá



NĂM 2002

NĂM 2003

NĂM 2004

NĂM 2005



Trước tình hình đơn hàng cứ tăng liên tục trên 20%/năm, TTF tiếp tục chuyển một số đơn hàng ra cho các bạn đồng ngành khác tại TP.HCM, Bình Dương và Quy Nhơn với khối lượng đến 50% tổng đơn hàng

Nhận được những giải thưởng quốc tế cao quý dành cho chất lượng:

- **“Cúp vàng chất lượng Châu Âu”** (European Trophy For Quality) do Trade Leader’s Club trao tặng tại Roma – Ý vào tháng 10
- **“Cúp vàng Chất lượng Quốc tế”** (International Trophy For Quality) do Trade Leader’s Club (Câu lạc Bộ Doanh nhân hàng đầu thế giới) trao tặng tại Tây Ban Nha vào tháng 11
- **“Huy chương quản lý chất lượng toàn cầu”** được Trade Leader’s Club trao tặng cho Chủ tịch Võ Trường Thành tại Tây Ban Nha vào tháng 11

- Với thực trạng hàng hóa đặt bên ngoài phần lớn có chất lượng không đồng bộ với Công ty và thường xuyên bị trễ, HĐQT quyết định mở rộng quy mô sản xuất thông qua việc **đầu tư vào 03 nhà máy chế biến gỗ tại Đắk Lắk và Bình Dương**. Bên cạnh đó, TTF còn thực hiện chiến lược hội nhập lùi bằng cách đầu tư vào công ty Lidovit – một nhà cung cấp vật tư lớn của Công ty. Tổng vốn đầu tư dài hạn lên đến gần 15 tỷ đồng.

NĂM 2006

- Sau gần 10 tháng tìm hiểu, thẩm định kết quả kinh doanh cũng như đánh giá tiềm năng phát triển của TTF, **Quý Aureos Đông Nam Á (ASEAF) đã trở thành cổ đông nước ngoài đầu tiên của Công ty vào ngày 31/12/2006, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của TTF.**

- Tiếp tục được quốc tế công nhận với giải thưởng **“Sao vàng Chất lượng Quốc tế”** (International Gold Star Award) do tổ chức BID trao tặng vào tháng 10 tại Thụy Sĩ.

- Được tổ chức OtherWays (Pháp) trao tặng Giải vàng Châu Âu cho **Chất lượng và Uy tín thương mại** (Golden Europe For Quality & Commercial Prestige) vào tháng 10 tại Berlin – Đức.

- Tiếp tục được Tổ chức Business Initiative Directions (BID) trao tặng giải thưởng **“Sao Bạch Kim Chất lượng Quốc tế”** (International Platinum Star Award) vào tháng 11 tại Thụy Sĩ;

NĂM 2007

- **Tiếp tục đầu tư mảng chế biến gỗ** vào 1 công ty tại TP.HCM và 1 công ty tại Phú Yên. Bên cạnh đó, bắt đầu thành lập các công ty trồng rừng tại Dak Lak và Phú Yên theo dự án trồng 100.000 ha rừng sản xuất tại Việt Nam. Đồng thời TTF còn đầu tư tài chính vào một số công ty ngoài ngành như Sông Hậu (thủy sản), Quý Bản Việt (y tế) và Phú Hữu Gia (bất động sản). Tổng phát sinh vốn đầu tư dài hạn trong năm là khoảng **250 tỷ đồng**.



- Để đáp ứng vốn cho việc đầu tư mở rộng nêu trên, cũng như vốn lưu động cho nhu cầu sản xuất ngày mỗi lớn hơn, Công ty đã phát hành cho cổ đông riêng lẻ và tiến hành IPO thu hút vốn từ các nguồn cổ đông trong và ngoài nước, **tăng vốn điều lệ lên thành 150 tỷ đồng cùng với thặng dư vốn trên 470 tỷ đồng**

NĂM 2008

- Ngày 1/2/2008, Công ty đã nhận được quyết định số 24/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) cho phép niêm yết chính thức 15.000.000 cổ phần TTF. Và ngày giao dịch chính thức đầu tiên của TTF trên HOSE là 18/2/2008. Đây là một cột mốc rất quan trọng của Tập đoàn Trường Thành

- Là một trong 30 doanh nghiệp đầu tiên có thương hiệu được Chính phủ chọn vào Chương trình **Thương hiệu Quốc gia**

- Tiếp tục đầu tư thêm khoảng 57 tỷ vào các công ty đã nêu, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **322 tỷ đồng**

- Tiếp tục đầu tư thêm khoảng 57 tỷ vào các công ty đã nêu, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **322 tỷ đồng**

- Đạt giải **Báo cáo thường niên tốt nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) tổ chức xét chọn

- Tiếp tục đầu tư thêm 74 tỷ đồng vào các công ty đã nêu, 1 công ty chế biến gỗ tại Bình Dương, 1 công ty quản lý cụm công nghiệp tại Dak Lak, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **396 tỷ đồng**



NĂM 2009

- Tiếp tục được lựa chọn là một trong 43 doanh nghiệp tham gia vào Chương trình **Thương hiệu Quốc gia lần 2**

- **Hai lần ra tòa án** với những vụ kiện của Ông Trần Hoài Nam – Công ty Tân Phát, trong đó 1 lần do Công ty Tân Phát kiện TTF để đòi khoản nợ 1.845.402.000 đồng, và 1 lần do TTP (công ty con của TTF) kiện Công ty Tân Phát để đòi khoản nợ 28.304.035.467 đồng và một số lãi suất phát sinh trên số nợ. Kết quả là Bản án số 46/2010/KDTM-PT quyết định buộc Công ty Tân Phát phải trả cho TTP số tiền 25.358.121.000 đồng.

- Bị UBCK phạt 70 triệu đồng và HOSE cảnh cáo toàn thị trường chứng khoán về việc **báo cáo tài chính của năm 2008 và 2009 hợp nhất chưa đầy đủ**. Nguyên nhân là do TTF nhận thức chưa đúng về một số chuẩn mực kế toán liên quan đến hợp nhất. Tuy nhiên, Công ty đã khắc phục vấn đề này ngay trong Báo cáo tài chính năm 2010.

NĂM 2010

- Tiếp tục đầu tư thêm 54 tỷ đồng vào các công ty đã nêu, 1 công ty làm bao bì cho sản phẩm gỗ, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **450 tỷ đồng**.

- Đạt giải **Báo cáo thường niên xuất sắc nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) tổ chức xét chọn



TTF nhận giải Báo cáo thường niên xuất sắc nhất năm 2010

- Đạt giải **Báo cáo thường niên tốt nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) tổ chức xét chọn
- Tiếp tục được quốc tế công nhận với giải thưởng **“Cúp Kim cương Chất lượng Quốc tế”** do tổ chức BID trao tặng vào tháng 4 tại Pháp.
- Chính thức khai sinh cho dòng sản phẩm **Ván sàn Kỹ thuật cao** với đặc tính siêu chịu nước (đun sôi 72 giờ không bị hư hỏng) và siêu chống trầy xước (độ cứng 8H, độ mài mòn AC5).



Chủ tịch TTF nhận giải "Cúp Kim cương Chất lượng Quốc tế" tại Pháp

NĂM 2011

• Thành lập Phòng thí nghiệm

phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển của Công ty. Phòng thí nghiệm có khả năng thực hiện việc kiểm soát từ các loại hóa chất, độc tố trong sản phẩm đến khả năng kiểm soát về cơ lý, độ bền vật liệu của gỗ, ván nhân tạo và sản phẩm. Qua sự đầu tư này, Công ty đã có khả năng nghiên cứu và phát triển tốt hơn sẽ giúp bộ phận sản xuất có thể tạo ra nhiều sản phẩm tốt trong tương lai và thu hồi được vốn đầu tư nhanh chóng. Các dòng sản phẩm này đã được chính thức tung ra thị trường VN và quốc tế từ tháng 5/2012.

- **Xây dựng Tổng kho** của TTF tại Tân Uyên, Bình Dương, với tổng đầu tư khoảng **90 tỷ đồng**

- **Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Bình Chuẩn – Thuận An – Bình Dương**, để di dời nhà máy tại đây lên khu vực Tân Uyên, cạnh nhà máy của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành, nhằm giảm chi phí vận chuyển và gia tăng quản lý.

- Tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là gần 519 tỷ đồng, sau khi trích lập dự phòng khoảng 32,2 tỷ thì còn khoảng 487 tỷ đồng

NĂM 2012

- Đạt giải Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) tổ chức xét chọn

- Được trao tặng Bằng khen Đã có nhiều năm có Báo cáo Thường niên được trao giải tại các cuộc bình chọn BCTN trong 5 năm qua do Chủ tịch UB-CKNN ký tặng

- Sự việc giảm vay ngắn hạn gần 154 tỷ theo tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2012 và theo yêu cầu của các ngân hàng dưới chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ - trong bối cảnh Tập đoàn chưa thể tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu, làm cho TTF rơi vào **giai đoạn khó khăn nhất về ngân lưu** từ khi thành lập năm 2000. Do đó, Công ty không thể hoàn tất đơn hàng và xuất đúng hạn cho khách, dẫn đến việc **lần đầu tiên bị sụt giảm doanh số** trong quá trình hình thành và phát triển, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất **đã bị lỗ khoảng 2,9 tỷ đồng**, mặc dù sau khi trừ đi Lợi ích của Cổ đông thiểu số thì Cổ đông của Công ty mẹ vẫn còn lãi gần 2,5 tỷ đồng.





Bộ Sofa Hoàng Gia

NĂM 2013

NĂM 2014

Trong suốt năm 2013, Công ty ở trong tình trạng vô cùng khó khăn. Xuất phát từ hàng tồn kho lớn từ năm 2008, dư nợ vay cao trong bối cảnh lãi suất cho vay quá cao, dẫn đến các công ty trong Tập đoàn đã phải trả lãi rất lớn cho ngân hàng trong nhiều năm qua (trung bình 230 tỷ/năm). Việc này đã gây áp lực ngân lưu rất lớn với Công ty, chưa kể một số ngân hàng đã cắt giảm hạn mức trong năm 2012 và 2013 càng làm cho nguồn vốn lưu động của Công ty khó khăn thêm. Việc thiếu ngân lưu đã làm giảm mức sản xuất đáng kể trong năm 2013 (giảm đến 50%) và Công ty đã không đáp ứng được tiến độ giao hàng cho khách, gây mất uy tín và mất một số khách hàng. Công ty đã nhiều lần suýt rơi vào tình trạng ngưng hoạt động khi nguồn tiền thu về không kịp để trả lương cho công nhân và mua nguyên vật liệu để sản xuất. Mãi đến tháng 9/2013, **với ý chí vượt qua khó khăn của HĐQT Công ty**, Ngân hàng Nhà nước tỉnh Bình Dương, với đề nghị hợp lý từ TTF, đã tổ chức cuộc họp với các ngân hàng chủ nợ của Công ty nhằm tháo gỡ khó khăn cho TTF thông qua việc các ngân hàng giãn nợ và lãi vay để Công ty có vốn hoạt động. Do đó, TTF đã tránh được nguy cơ ngưng hoạt động nêu trên. Bên cạnh đó, TTF đã chính thức bước vào giai đoạn tái cơ cấu tài chính với nhiều bước thực hiện trong vòng 18 tháng kể từ tháng 11/2013.

Trong năm 2014, TTF quyết định tái cấu trúc tài chính mạnh mẽ và đã đạt được 80% kế hoạch đề ra. Dự kiến sẽ hoàn tất công cuộc tái cấu trúc tài chính vào cuối quý II năm 2015 và bắt đầu dồn lực mạnh hơn cho việc phát triển kinh doanh và xây dựng thương hiệu để trở về lại vị trí số 1 của ngành chế biến gỗ không chỉ về doanh số mà cả về quy mô, công nghệ và hệ thống phân phối. Các mục tiêu khả thi này được thống kê từ thực tế Công ty đã nắm chắc trong tay 90% đơn hàng xuất khẩu đến cuối năm 2015 và các dự án trang trí, lắp đặt nội thất cho các công ty Bất động sản hàng đầu tại Việt Nam tiêu biểu là các công trình Vinpearl Phú Quốc, Furama Đà Nẵng, Masteri Thảo Điền, Vinhomes Central Park, Vũng Me Nha Trang..., chưa kể các hợp đồng phát sinh mà TTF đang xem xét có thể nhận thêm sắp tới.

CƠ CẤU
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

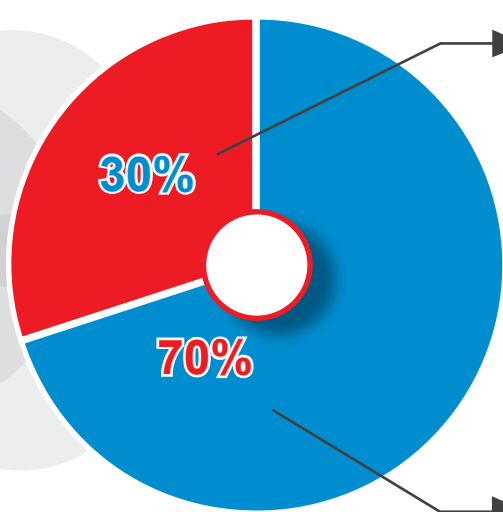


PHẦN 2

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

1.1. Số lượng người lao động trong Công ty (kể cả các công ty con trong Tập đoàn)



NỮ

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 3.767 người, trong đó:

▶ **Nam: chiếm 70%**

▶ **Nữ: chiếm 30%**

Trong đó, trình độ từ PTH trở lên chiếm 30%

NAM

1.2. Chính sách đối với người lao động:

1.2.1. Chế độ làm việc:

- Công ty thực hiện chế độ 40 giờ/tuần (làm việc 5 ngày/tuần) đối với lực lượng lao động và 48 giờ/tuần (làm việc 6 ngày/tuần) đối với lực lượng trực tiếp
- Còn lại các chế độ khác đều tuân thủ theo Luật Lao động hiện hành của Việt Nam

1.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

a) Tuyển dụng

- Đảm bảo rằng chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước, của SA 8000 (Social Accountability – Trách nhiệm Xã hội) và ILO (International Labor Organization – Tổ chức Lao động Quốc tế)
- Ưu tiên tuyển dụng những người trẻ và thông minh, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Tập đoàn, cũng như tăng cường cho các công ty con.
- Thu hút những người có kinh nghiệm trong ngành, nhiệt tình, có trách nhiệm, ham học hỏi, biết sáng tạo. Ưu tiên những người có khả năng phân tích tổng hợp, xử lý tình huống và quản trị công việc tốt.

- Đối với một số vị trí cấp cao như Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và các Giám đốc khác, Công ty ưu tiên tuyển dụng những người có học vị Thạc sĩ trở lên và được đào tạo từ các nước tiên tiến cũng có kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng huấn luyện và trình độ chuyên môn thích hợp.

- Đối với công nhân, chúng tôi ưu tiên tuyển những người đến từ địa phương có nền công nghiệp ít phát triển, và đào tạo họ trở thành công nhân kỹ thuật lành nghề, đồng thời trang bị nhà ở đầy đủ tiện nghi cho người lao động. Điều này góp phần ổn định lực lượng công nhân đông đảo của Công ty.

b) Đào tạo và huấn luyện

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo tại Công ty với tần suất tối thiểu 20 ngày mỗi năm. Đây là 1 tần suất khá cao, kể cả so với các công ty đa quốc gia. Chính yếu tố này góp phần làm cho hệ thống quản trị của TTF luôn theo kịp giới kinh doanh quốc tế ngày càng phát triển.

- Các khóa đào tạo – huấn luyện xoay quanh các chủ đề sau:

- + Kỹ năng lãnh đạo
- + Kỹ năng quản lý
- + Kỹ năng quản trị văn phòng
- + Một số kỹ năng mềm để làm việc tốt hơn như: Giao tiếp hiệu quả, Quản trị thời gian, Giải quyết vấn đề, Giải quyết mâu thuẫn, Làm việc đồng đội....
- + Các kiến thức chuyên môn của từng phòng, ban chức năng
- + Quy trình sản xuất của từng nhà máy
- + Kỹ thuật chế biến sản phẩm gỗ
- + Tiêu chuẩn thiết kế thông minh
- + Kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị
- + Quản lý chất lượng đối với hệ thống và đối với sản phẩm
- + Kiến thức về CoC (Truy ngược nguồn gốc sản phẩm), đạo luật Lacey của Mỹ, hiệp định FLEGT của Châu Âu
- + PCCC, An toàn lao động, An toàn khi sử

dụng hoá chất

+ ISO 9001:2008, SA 8000

+ Quản trị chi phí

- Tài trợ cho một số cán bộ, nhân viên đi học trong nước và ở nước ngoài về các lĩnh vực như thiết kế, hoàn thiện sản phẩm gỗ, quản lý nguyên liệu thô, quản lý kho bãi, tổ chức hậu cần, kế toán doanh nghiệp...

- Để khắc phục tình trạng thiếu nhân lực cho ngành chế biến gỗ, Tập đoàn Trường Thành đã được GTZ tài trợ 54% chi phí thành lập trung tâm đào tạo tại nhà máy TTDL 1 (Công ty cổ phần Trường Thành – Dak Lak) với tổng vốn đầu tư là 7 tỷ đồng. Trung tâm này đã bắt đầu hoạt động từ cuối tháng 4/2007, với sự tham gia giảng dạy của 3 giảng viên đến từ Đức (do Bộ Ngoại giao Đức chi trả) và 7 giảng viên đến từ Tập đoàn Chúng tôi. Theo ký kết với chính phủ Nam Phi, Trung tâm và TTF đã đào tạo nghề chế biến gỗ cho hơn 20 học viên đến từ Nam Phi từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2011 (tổng cộng 5 tháng). Đây là một cột mốc quan trọng của TTF nói riêng và Việt Nam nói chung trong việc hợp tác đào tạo quốc tế.



Đào tạo cho CB-CNV lĩnh vực chuyên môn về chế biến Gỗ trong nội bộ TTF



Ký kết đào tạo cho các học viên Nam Phi tại TTF



Khen thưởng cho CB-CNV đạt thành tích

- Đặc biệt, nhằm chuẩn bị một đội ngũ kế thừa mạnh mẽ cho các thể hệ quản lý điều hành, Công ty đã tổ chức đào tạo lớp CÁN BỘ NGUỒN theo chương trình MBA kéo dài 2 năm/khóa, đảm bảo cung cấp trung bình mỗi năm khoảng 45 cán bộ có thể lên đảm nhận vị trí/trọng trách cao hơn

c) Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Ý thức rằng nhân lực là một nguồn tài sản lớn của doanh nghiệp, TTF đã rất chú trọng vào các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, cơ hội thăng tiến và văn hóa doanh nghiệp để lưu giữ và trọng dụng nhân tài.

• Chính sách lương:

- + Tuân thủ quy định mức lương tối thiểu của Nhà nước
- + 6 tháng xét tăng lương 1 lần, dựa trên năng lực, sự tiến bộ và thành quả đóng góp của từng cá nhân, ngay cả trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế nặng nề từ năm 2008 đến nay, mặc dù mức tăng và số người tăng có hạn chế hơn so với trước năm 2008

• Chính sách thưởng:

- + Trước năm 2010: ít nhất 6 tháng xét thưởng 1 lần theo Quy chế khen thưởng của Công ty, được bình bầu công khai hoặc thi tay nghề. Từ năm 2010 đến nay: tạm thời ngưng áp dụng chính sách thưởng 6 tháng, nhưng vẫn đảm bảo có thưởng năm.
- + Áp dụng ESOP (Employee Stock Ownership Plan – Kế hoạch cho người lao động sở hữu Cổ phần) từ năm 2007, tạo cơ hội làm chủ cho toàn thể CBCNV của Công ty. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện nay, ESOP không còn hấp dẫn người lao động nữa nên TTF đã tạm ngưng áp dụng.
- + Thực hiện việc khen thưởng đột xuất cho các cá nhân/tập thể hoàn thành nhiệm vụ ở mức sáng tạo cao hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật – quản lý... để làm tăng cao hiệu suất trong công việc. Đây là chính sách mà Chúng tôi đã và đang gia tăng áp dụng, đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế
- + Áp dụng khen thưởng khi cá nhân/tập thể đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu quan trọng do BGD đề ra.

- **Phúc lợi:**

- + Bảo hiểm xã hội và y tế cho CBCNV theo Quy định của Nhà nước
- + Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBCNV
- + Bố trí xe đưa rước cho CBCNV ở xa công ty.
- + Thành lập Công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động
- + Tổ chức vui chơi giải trí cho toàn thể CBCNV như hội thao, văn nghệ, thi nấu ăn, thi cắm hoa, thi đồ vui... có thưởng trong các dịp lễ quốc gia và lễ của Công ty.
- + Tổ chức đi du lịch xa cho toàn thể CBCNV ít nhất 1 lần/năm
- + Đã đầu tư gần 10 tỷ đồng để xây dựng nhà ở cho CBCNV tại Bình Dương và Dak Lak
- + Và một số trợ cấp, phúc lợi khác theo Luật Lao động Việt Nam và Quy chế Nhân viên của Công ty.

- d) **Văn hóa Công ty:**

Nhằm gắn kết hàng ngàn CBCNV lại với nhau, chúng tôi đã xây dựng và phát triển một văn hóa doanh nghiệp đặc trưng giúp mọi người luôn đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau, không phân biệt đối xử và luôn tự hào là thành viên của mái nhà chung "Trường Thành". Một số điển hình của văn hóa Trường Thành là:

- Phát triển văn hóa phản biện trong các cuộc họp, hội thảo và huấn luyện;
- Áp dụng chính sách Open Door đối với mọi cấp trong Công ty, nhưng vẫn trên tinh thần tôn trọng các cấp quản lý trung gian;
- Khuyến khích xây dựng nhóm và tạo điều kiện để nhóm làm việc hiệu quả;
- Thường xuyên thừa nhận, tôn trọng và khen thưởng thành quả, sáng kiến của cấp dưới;
- Cấp trên luôn nhiệt tình đào tạo và hướng dẫn cấp dưới;
- Luôn nói KHÔNG với mọi tiêu cực, luôn phát huy ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP trong công việc

- Slogan của TTF:

► **Sứ mệnh trồng rừng:**

Cho Trái Đất Luôn Xanh

► **Sứ mệnh cung cấp sản phẩm đồ gỗ:**

Toả Sáng Mọi Không Gian

► **Cờ truyền thống của TTF:**



• **Lễ phục và Đồng phục của Công ty, đồng phục riêng cho từng phòng ban:**



2. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

2.1. Mô hình quản trị

Từ khi Công ty chuyển từ TNHH sang Cổ phần năm 2003, mô hình quản trị TTF bao gồm :

- Đại hội Đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị (bao gồm nhiều tiểu ban) và Ban Kiểm soát
- Ban Điều hành: đứng đầu là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phụ trách các khối theo chức năng

Xuất phát từ Mô hình truyền thống trong những năm đầu thành lập, TTF hiện nay

đang quản trị theo Mô hình của thế kỷ 21 với những đặc tính cơ bản như :

- Các phòng ban, đơn vị phụ thuộc lẫn nhau
- Tinh thần đội nhóm khi làm việc được đề cao
- Khách hàng, chất lượng và dịch vụ được chú trọng
- Thông tin được truyền đạt đa chiều
- Cán bộ và nhân viên chủ chốt được đào tạo đa kỹ năng, chẩn đoán và giải quyết vấn đề

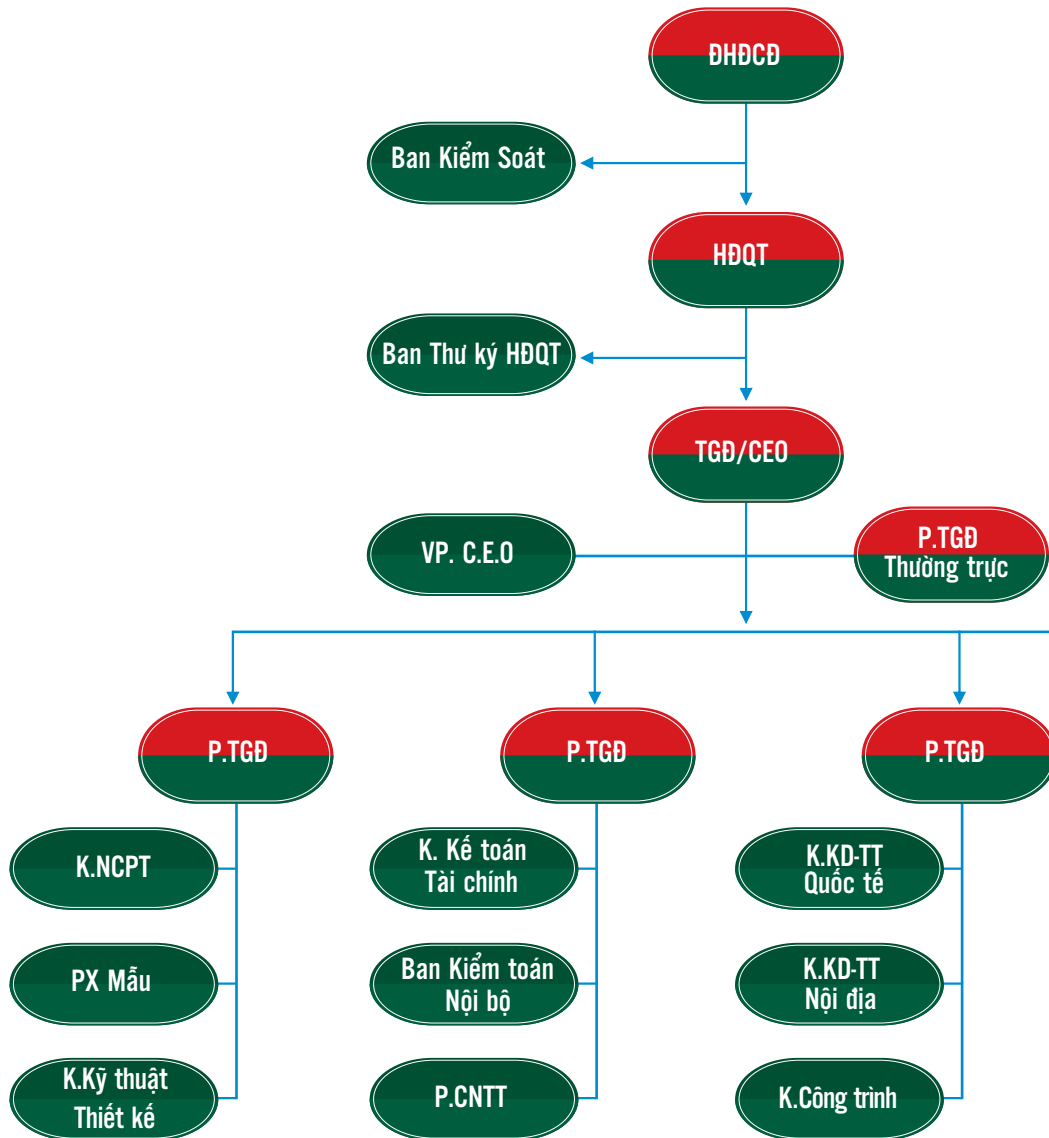
Một số Cán bộ CNV cùng chủ tịch HĐQT TTF





Các sản phẩm mới của TTF

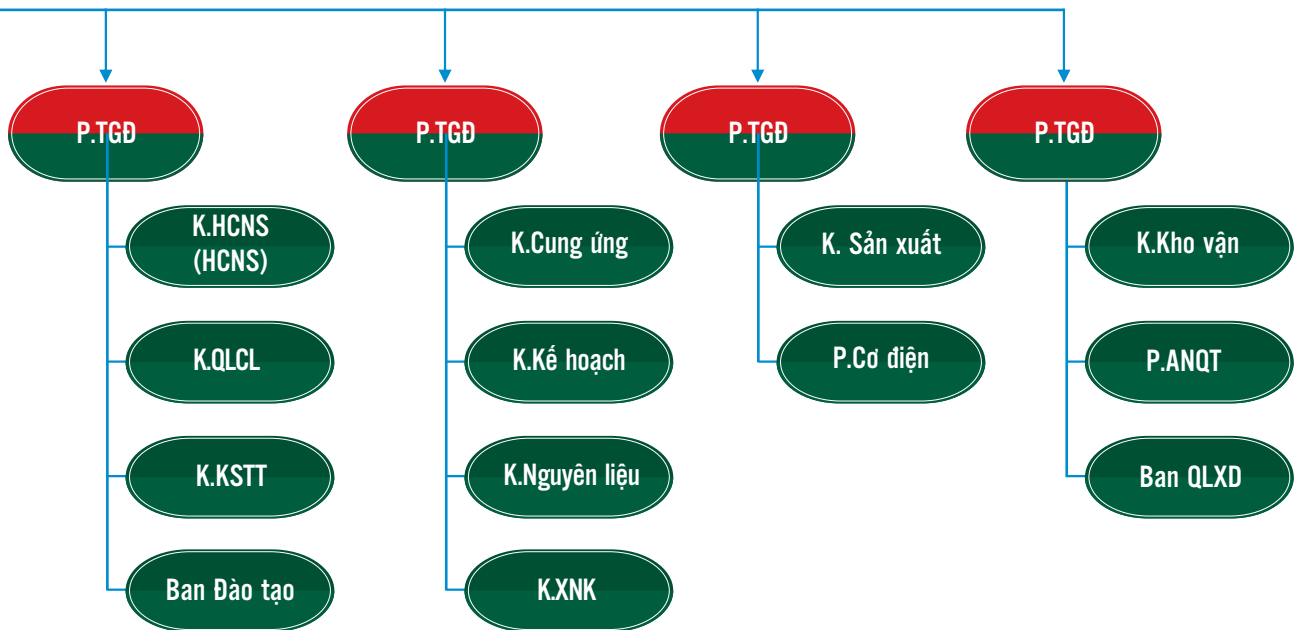
2.2. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



GHI CHÚ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng Cổ đông;
 HĐQT: Hội đồng Quản trị
 (P)TGĐ: (Phó) Tổng Giám đốc
 CEO: Chief Of Officer, Tổng Giám đốc
 QLCL: Quản lý Chất lượng
 QLNL: Quản lý Nguyên liệu thô
 KD-TT: Kinh doanh Tiếp thị
 HCNS: Hành chính Nhân sự
 ANQT: An ninh quản trị
 KSTT: Kiểm soát Tuân thủ
 KTNB: Kiểm toán Nội bộ
 CNTT: Công nghệ Thông tin
 ND: Nội Địa

BKS: Ban Kiểm soát
 PX: Phân xưởng
 NCPT: Nghiên cứu phát triển
 XNK: Xuất nhập khẩu
 NVL: Nguyên vật liệu
 CSHT: Cơ sở hạ tầng
 VP: Văn phòng
 K: Khối
 P: Phòng
 KTTC: Kế toán tài chính



3. GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



3.1 Tổng Giám đốc,
kiêm Chủ tịch HĐQT:

Ông VÕ TRƯỜNG THÀNH

- Sinh năm 1958, Thạc sỹ QTKD tốt nghiệp tại Hoa Kỳ
- Có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến gỗ
- Đã đi hơn 25 nước trên thế giới để tìm hiểu về công nghệ chế biến gỗ hiện đại và trồng rừng
- Từng nắm giữ các vị trí quan trọng trong các hiệp hội như: *Cố vấn Hội Doanh nghiệp trẻ Dak Lak, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Dak Lak, Thành viên Ban Thường trực Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ TP.HCM, Chủ tịch Hiệp hội Chế Biến Gỗ Bình Dương (BIFA)*
- Hiện nay là: *Thành viên Ban Chấp hàng Hội Lâm sản Việt Nam, Thành viên Ban Thường trực Mạng lưới Kinh doanh Lâm sản Toàn cầu tại Việt Nam (GFTN) trực thuộc WWF, Thành viên Câu lạc bộ Doanh nhân hàng đầu Thế giới*
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2014: 10.042.568 cp, chiếm 10,04%



3.2 Phó Tổng Giám đốc,
kiêm Ủy viên HĐQT:

Ông TẠ VĂN NAM

- Sinh năm 1951, tốt nghiệp Đại học Sư phạm
- Có gần 17 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành chế biến gỗ
- Hiện đảm nhận vị trí Phó Tổng Giám đốc thường trực
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2014: 131.280 cp, chiếm 0,13%



3.3 Phó Tổng Giám đốc:

Ông **VÕ DIỆP VĂN TUẤN**

- Sinh năm 1979, Thạc sỹ QTKD của trường Đại học Kaplan của Mỹ, Cử nhân QTKD của trường Đại học Los Angeles, có chứng chỉ Award về Kế toán Tài chính tại UCLA, Mỹ
- Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tại Hoa Kỳ và Việt Nam
- Phụ trách điều hành Khối Tài chính – Kế toán và Ban Kiểm toán Nội bộ
- Kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3) tại Tân Uyên, Bình Dương.
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2014: 253.497 cp, chiếm 0,25%



3.4 Phó Tổng Giám đốc:

Ông **DINH VĂN HÓA**

- Sinh năm 1962, Cử nhân Đại học Bách Khoa – ngành Kỹ thuật xây dựng
- Có hơn 25 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành quản lý trong ngành xây dựng
- Phụ trách điều hành Khối Kho vận, Cơ điện, An ninh Quản trị, Cơ sở hạ tầng và Quản lý Xây dựng
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2014: 119.930 cp, chiếm 0,12%

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)



3.5 Phó Tổng Giám đốc:
Ông LÊ MINH NGỌC

- Sinh năm 1973, Kỹ sư Cơ khí
- Có hơn 18 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ từ vị trí kỹ thuật viên đến quản lý điều hành
- Phụ trách điều hành Khối Sản xuất, Phân xưởng Mẫu và Phân xưởng Sofa
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2014: 579 cp



3.6 Giám đốc Tài chính:
Ông ĐÀO NGỌC QUYẾT

- Sinh năm 1980, Cử nhân Tài chính Kế toán, đã tốt nghiệp khóa học Kế toán trưởng, Cơ bản TTCK, Luật chứng khoán, Phân tích và đầu tư chứng khoán
- Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính doanh nghiệp
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2014: 0 cp

4. QUẢN TRỊ THEO CÁC GIÁ TRỊ



Ba giá trị nêu trên đã được đồng nhất trong cuộc sống và công việc của tập thể TTF. Từ quy trình của Công ty cho đến phương châm hành động của toàn thể CBCNV, đều hướng đến những giá trị này:

► **Hiệu quả:**

Kinh doanh là để có lợi nhuận, đó là mục đích lâu dài và sống còn của bất kỳ doanh nghiệp nào. Do đó, khi thực hiện bất cứ một việc gì, toàn thể thành viên Tập đoàn phải đảm bảo việc làm đó có **Hiệu quả**. Tuy nhiên, **Hiệu quả** được TTF chấp nhận ở phạm vi rộng hơn, chứ không thuần túy là Lợi nhuận bằng vật chất. **Hiệu quả** đôi khi chỉ là giải quyết được vấn đề. Vì thế, chúng tôi luôn khuyến khích các thành viên trong doanh nghiệp của mình dự đoán được những vấn đề có khả năng xảy ra, và hành động theo mục tiêu là phải giải quyết được vấn đề đó

► **Có trách nhiệm:**

Tinh thần **trách nhiệm** là sẵn sàng chia sẻ, đóng góp công sức của mình vào công việc chung và thực hiện công việc đó với khả năng tốt nhất. Ngoài ra, mỗi cá nhân cần có **trách nhiệm** với tất cả những gì mình làm cho dù đó là kết quả tốt hay là một hậu quả xấu. Tinh thần trách nhiệm là một yếu tố quan trọng, là điều kiện giúp chúng ta đạt được những mong muốn trong cuộc sống. Cần phải có tinh thần **trách nhiệm** với chính bản thân, với gia đình, với công việc chung

ở mọi lúc mọi nơi. "Quyền lợi luôn gắn với **trách nhiệm**" - với tinh thần này, TTF luôn có **trách nhiệm** với khách hàng và nhà cung cấp, với cổ đông và chính CBCNV của mình.

► **Đạo đức:**

Ngày nay, rất nhiều doanh nghiệp chỉ tập trung vào lợi nhuận và thành công mà xem nhẹ **đạo đức** nghề nghiệp. Đó có thể là sự gian lận, bê bối cũng như sai phạm trong kinh doanh hoặc đó cũng có thể là sự trù dập, hãm hại giữa các nhân viên với nhau.

Đạo đức trong kinh doanh cũng như trong việc đối nhân xử thế sẽ là tiền đề để xây dựng nên một doanh nghiệp vững mạnh và chuyên nghiệp.

Khi **đạo đức** được đề cao thì chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, chất lượng nguồn nhân lực sẽ được tăng lên đáng kể. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp chiếm trọn niềm tin của khách hàng mà còn giúp doanh nghiệp thu được một khoản lợi nhuận không nhỏ. Do đó, tại TTF, chúng tôi luôn nêu cao biểu ngữ **đạo đức** trong kinh doanh.



Chủ tịch HĐQT đang chia sẻ niềm vui với một số CBNV khi các giải pháp giúp Công ty vượt qua khó khăn đã được thực hiện thành công

5. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT



5.1. CÁC CÔNG TY CON TRỰC TIẾP

▶ 5.1.1. CTY CP TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Km86, QL14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **30.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 70%

▶ 5.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **28.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 70%

▶ 5.1.3. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: DT747, KP7, thị trấn Yên Hưng, huyện Tân Uyên, Bình Dương

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **126.239.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 64%

▶ 5.1.4. CTY CP VÁN CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: DT747, KP7, thị trấn Yên Hưng, huyện Tân Uyên, Bình Dương

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh ván ép, ván lạng và ván dăm

Vốn điều lệ thực góp: **56.470.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 100%

► 5.1.5. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: 35 Quang Trung, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuộc, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **59.604.847.685 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,97%

► 5.1.6. CTY CP TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: 35 Quang Trung, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuộc, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **58.191.490.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 46,07%

► 5.1.7. CTY CP CÔNG NGHIỆP GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **40.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 68,52%

► 5.1.8. CTY CP TRƯỜNG THÀNH XANH

Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, phường 2, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **100.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,99%

► 5.1.9. CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Đào Trinh Nhất, KP1, Phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **25.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 97,5%

► 5.1.10. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH DAKNONG

Địa chỉ: 204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, Đak Nông

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **60.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,44%

► 5.1.11. CTY CP THƯƠNG MẠI XNK TRƯỜNG THÀNH DAKNONG

Địa chỉ: Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đak R'Lấp, Đak Nông

Ngành nghề KD chính: thương mại XNK các mặt hàng lâm sản và NVL ngành chế biến gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **50.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 94,75%



► 5.1.12. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH M'DRAK

Địa chỉ: Cụm công nghiệp M'Đrắk, xã Krong Jing, huyện M'Đrắk, Đak Lak

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ, trồng rừng

Vốn điều lệ thực góp: **6.910.456.454 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 95%

5.2. CÁC CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

► 5.2.1. CTY CP NÔNG LÂM CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG AN

Địa chỉ: xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đak Lak

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và chăm sóc rừng, sản xuất cây giống, dịch vụ khai thác lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **5.400.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 85%

► 5.2.2. CTY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH – PHƯỚC AN

Địa chỉ: 107 Lê Duẩn, khối 4, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, Đak Lak

Ngành nghề KD chính: sản xuất VLXD từ đất sét

Vốn điều lệ thực góp: **9.700.000.000 VND**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 52%

5.3. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

► 5.3.1. CTY CP BAO BÌ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: 19 đường số 11, KP1, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM

Ngành nghề KD chính: chế biến và kinh doanh sản phẩm bao bì giấy

Vốn điều lệ thực góp: **4.570.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 44%

► 5.3.2. CTY TNHH TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH - OJI

Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, phường 2, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **186.145.590.650 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 51%



Văn phòng đại diện và Showroom TTF tại Hà Nội khai trương 2015

ĐỊNH HƯỚNG

PHÁT TRIỂN



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Năng lực cốt lõi

■ Nắm giữ nhiều **bí quyết** làm ra sản phẩm chất lượng cao, đạt yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn (BS EN 581, BRC, CARB...), về đóng gói (ISTA)... từ nhiều năm trước. Gần đây, Công ty còn nghiên cứu, thiết lập và ứng dụng thành công quy trình sơn UV đạt độ cứng cao nhất thế giới đối với dòng sơn trên gỗ (đạt độ cứng 8H trong khi chuẩn cao trên thế giới trước đây chỉ đến 6H)

■ Đã nghiên cứu và phát triển thành công một số dòng sản phẩm mới, mang tính chiến lược cao và tạo bước đột phá như: Ván sàn và ván ép kỹ thuật cao, ván PB cao cấp không độc tố... Đây có thể xem là một cuộc cách mạng trong ngành VLXD và trang trí nội thất

■ Sở hữu nhiều máy móc chế biến gỗ hiện đại, đa năng, công suất cao thuộc hàng bậc nhất Việt Nam - được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật bản - kết hợp công nghệ quang học và điện toán để có thể chọn lọc gỗ bằng mắt thần quang học; cũng như **tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu thô theo giá trị thu hồi bằng phần mềm điện toán, chứ không phải khái niệm tối ưu theo tỷ lệ khối lượng thu hồi** như trước đây. Các máy móc thế hệ mới này được nối lại với nhau bằng cáp quang và thông qua server tại văn phòng chính của Công ty đến bưu điện. Từ đó, khi có yêu cầu, các chuyên gia từ Đức, Ý có thể sửa chữa hoặc vận hành sản xuất theo những thiết kế mới tức thì. Việc trang bị nhiều máy móc thiết bị hiện đại này sẽ giúp cho Tập đoàn chúng tôi vượt qua được thử thách trong tương lai, lúc mà lương của công nhân sẽ tăng cao gần 3 lần hiện nay;



■ **Tự thiết kế** và bán trên 80% sản lượng từ thiết kế của mình trong hơn 8 năm qua

■ Có **nguồn nguyên liệu** ổn định, số lượng lớn, giá rẻ mà vẫn đạt được yêu cầu của FSC (Forestry Stewardship Council) - C.o.C (Chain of Custody), hoặc đạo luật Lacey của Mỹ, hay của Hiệp định FLEGT của Cộng đồng Châu Âu

■ Xây dựng thành công 1 thương hiệu B2B (Business to Business) nổi tiếng về chất lượng trong giới mua hàng quốc tế, cũng như đạt được nhiều giải thưởng trong và ngoài nước về chất lượng và uy tín kinh doanh, đảm bảo **“khách hàng luôn tìm thấy chúng ta”** chứ không phải đi tìm khách hàng như phần lớn các doanh nghiệp khác;



■ **Sở hữu nhiều cánh rừng đến chu kỳ khai thác lấy gỗ.** Nắm giữ nhiều diện tích đất đai để trồng rừng trong những năm tiếp theo. Áp dụng phương pháp khai thác chế biến luân kỳ và kinh doanh bền vững. Được hỗ trợ kỹ thuật từ những đối tác danh tiếng và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng rừng trên thế giới. Nhận được tài trợ của Chính phủ lên đến 50% trong việc xây dựng vườn ươm - nuôi cấy mô - chọn lọc giống bằng công nghệ Acid deoxyribonucleic (ADN). Vườn ươm của TTF sử dụng công nghệ tưới ngầm tiên tiến và kỹ thuật sinh học thay cho phân bón nên chi phí hoạt động thấp, tiết kiệm được nhiều tài nguyên;

■ Có khả năng **bán hàng trực tiếp** đến các hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ, nhà bán sỉ lớn trên thế giới - mà không phải lúc nào cũng phải thông qua các công ty trung gian như nhiều bạn đồng ngành khác;

■ Đội ngũ **tiếp thị quốc tế** có khả năng tìm kiếm - cập nhật nhanh chóng các thông tin về thị trường, về xu hướng thiết kế, về tình hình nguyên vật liệu. Từ đó, Ban Điều hành sớm đưa ra những định hướng kịp thời và hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

■ Đội ngũ **kinh doanh quốc tế** có khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh, Pháp, Nhật và Hoa, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc đàm phán các hợp đồng ngoại thương cũng như xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống thanh toán quốc tế và xuất nhập khẩu;

■ Có khả năng duy trì và phát triển tốt **hệ thống truy tìm nguồn gốc sản phẩm** đạt chuẩn C.o.C, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS;

■ Có khả năng vận hành nhuần nhuyễn **hệ thống quản lý chất lượng** theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS. Có hơn 50 đánh giá viên nội bộ được đào tạo chính quy và cấp chứng nhận bởi tổ chức BVQI và SGS;

■ Có khả năng sản xuất những **đơn hàng rất lớn** do quy mô sản xuất rộng lớn, dự trữ được nhiều nguyên liệu và đầu tư mạnh cho máy móc thiết bị hiện đại;



Máy CNC Master

- Ban Điều hành, đặc biệt là Ông Võ Trường Thành - Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch HĐQT) - người đứng đầu doanh nghiệp, không những có kinh nghiệm và **kiến thức sâu rộng** về quản trị kinh doanh mà còn rất am hiểu về kỹ thuật công nghệ chế biến gỗ. Đây là trường hợp khá hiếm trong ngành chế biến gỗ của Việt Nam. Và Ông từng là Chủ tịch Hiệp hội Chế biến Gỗ Bình Dương – 1 tỉnh của Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ chiếm đến gần 50% kim ngạch XK của toàn quốc;
- Đã xây dựng thành công một nền **văn hóa Trường Thành** với nhiều nét riêng. Đây là sợi dây vô hình liên kết hàng ngàn người trong doanh nghiệp cùng chung sức xây

dựng cho thương hiệu "Trường Thành;"

- Nền tảng Công ty được xây dựng dựa trên những **thông lệ và chuẩn mực quản trị tốt nhất** của thế giới;

- Thương hiệu "Trường Thành" đã được đăng ký **bảo hộ tại Mỹ, Anh, Pháp và Việt Nam**;

- Là một nhóm công ty chế biến gỗ liên kết với nhau thành một chuỗi sản xuất gần như khép kín từ các nguyên liệu đầu vào như rừng, gỗ, ván dăm, ván ép, ván lạng đến thành phẩm và bao bì đóng gói. Điều này hạn chế sự lệ thuộc vào những nhà cung cấp bên ngoài Tập đoàn; đồng thời gia tăng sự kiểm soát về chất lượng, giá cả đầu vào và ngày giao hàng cho khách.



Chủ tịch HĐQT Võ Trường Thành

2. CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015 – 2020

2.1. Các mục tiêu chủ yếu cho kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2015 – 2020

- Hoàn thành tái cơ cấu tài chính trong Quý 2 năm 2015
- Tăng 20% doanh thu mỗi năm kể từ năm 2015
- Tăng lợi nhuận lên 30% mỗi năm kể từ năm 2016
- Duy trì Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu không quá 76% (tỷ lệ hiện tại là 80%) từ 2015



2.2. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Thực hiện thành công dự án trồng 100.000 ha rừng tại Việt Nam theo hình thức trồng cuốn chiếu trung bình 2.000 ha/năm
- Nghiên cứu và chế tạo các loại ván, các loại sản phẩm gỗ không chứa độc tố (ví dụ: formaldehyde, chì, thủy ngân....), hoặc chỉ chứa hàm lượng đạt tiêu chuẩn an toàn chung của Châu Âu (E0 và E1), Mỹ (CARB P2) và Nhật bản (F****) trong từng giai đoạn
- Duy trì việc trao học bổng hằng năm cho sinh viên trường Đại học Nông Lâm TP.HCM khi còn có khả năng, và khi có điều kiện tài chính tốt hơn sẽ thực hiện thêm đối với sinh viên các trường khác
- Luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các sinh viên trong và ngoài nước đến thực tập hằng năm tại Công ty





- Hằng năm đều thực hiện chương trình ủng hộ cho trẻ em nghèo, gia đình cơ nhỡ và đồng bào lũ lụt theo ngân sách cho phép của Công ty
- Đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động của Công ty tối thiểu là theo quy định của luật pháp
- Đảm bảo thu nhập bình quân của công nhân sản xuất trực tiếp cao hơn mức lương tối thiểu mà Nhà nước quy định ít nhất 30%, và tăng trưởng hơn 10%/năm (khi Công ty có điều kiện thuận lợi về tài chính và chỉ số này tương ứng là 50% và 30%)
- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho các cổ đông theo quy định của luật pháp trong từng thời điểm. Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông nhưng vẫn đảm bảo kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng
- Cung cấp cho CB-CNV một môi trường làm việc công bằng, sáng tạo, tuân thủ Luật Lao động của Việt Nam cũng như của ILO và một số tiêu chuẩn của khách hàng lớn trên thế giới



Chủ tịch HĐQT trả lời thắc mắc cho công nhân trong chương trình Open Door được tổ chức hàng Quý

2.3. Kế hoạch kinh doanh 2015 - 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Diễn giải	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng doanh số	1,830,000	2,346,000	2,697,900	3,102,585	3,567,973
Doanh thu thuần	1,821,000	2,322,540	2,670,921	3,071,559	3,532,293
Giá vốn hàng bán	1,428,000	1,829,880	2,050,404	2,357,965	2,711,659
Lãi gộp	393,000	492,660	620,517	713,595	820,634
DT tài chính	15,000	9,384	10,792	12,410	14,272
CP tài chính	93,000	156,156	171,772	188,949	119,627
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	161,000	150,150	165,165	181,682	115,026
CP bán hàng	27,000	36,363	41,817	48,090	55,304
CP quản lý doanh nghiệp	84,000	96,800	106,480	117,128	128,841
Lợi nhuận từ KD	204,000	212,725	311,240	371,838	531,134
Lợi nhuận khác	-10,000	-14,076	-16,187	-18,616	-21,408
Lợi nhuận trước thuế	194,000	198,649	295,052	353,223	509,726
Lợi nhuận sau thuế		178,784	265,547	317,900	458,754

2.4. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng
- Khép kín công nghệ từ trồng rừng đến chế biến – nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để sản xuất các dòng hàng đặt thù mang thương hiệu TTF
- Duy trì vị thế nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số cao nhất Việt Nam;
- Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 50 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ và ván sàn gỗ có doanh số cao nhất thế giới từ năm 2025;
- Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 3 nhà trồng rừng tư nhân (có sản xuất chế biến gỗ) có diện tích rừng trồng lớn nhất ASEAN từ năm 2025;
- Duy trì thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực thi công trang trí nội thất tại thị trường nội địa.
- Đưa thương hiệu quốc gia ra thị trường thế giới, thông qua mạng lưới bán lẻ, đến tận tay người tiêu dùng tại các nước như Mỹ, Pháp và Anh (đã đăng ký bảo hộ thương hiệu tại những quốc gia này).

- Niêm yết trên thị trường chứng khoán quốc tế, để đảm bảo nguồn huy động vốn lớn, đáp ứng các mục tiêu của Công ty
- Trở thành một Tập đoàn sản xuất – kinh doanh đa ngành, cụ thể bao gồm các ngành sau: chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ, chế biến và kinh doanh ván gỗ nhân tạo, trồng rừng và khai thác gỗ, quản lý và cho thuê mặt bằng cụm công nghiệp, kinh doanh bất động sản.... Tuy nhiên, TTF sẽ luôn tập trung trên 70% các nguồn lực cho ngành nghề cốt lõi của Công ty là trồng rừng và chế biến gỗ



3. QUẢN TRỊ RỦI RO

3.1. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

3.1.1. Rủi ro về kinh tế.

Chính phủ vẫn đang cố gắng giữ giá tiền Đồng Việt Nam đứng ở mức cao (Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã tuyên bố khống chế giá Đô la Mỹ và nếu cho tăng thì không quá 2%). Điều này có thể là điểm bất lợi rất lớn cho xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu hàng công nghiệp có vòng quay chậm và giá trị gia tăng nội địa cao như ngành sản xuất đồ gỗ xuất khẩu và các ngành tương tự. Thật ra, điều này không có nhiều lợi ích cho quốc gia và vô tình khuyến khích nhập khẩu, bóp nghẹt nền sản xuất trong nước và đem lại lợi ích cho hàng hóa của Trung Quốc cũng như các nước khác và đi kèm với nó là các nhà kinh doanh nhập khẩu trong khi các hàng rào thuế quan vốn dĩ đang được mở ra và hàng rào kỹ thuật chưa được thiết lập đáng kể.

Ngoài ra, nếu Thông tư 02/2013/TT-NHNN bị đưa vào áp dụng triệt để từ tháng 6/2014 tới đây, hàng loạt doanh nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục bị “đổ bể”, ngân hàng và cả nền kinh tế cũng sẽ đi vào bế tắc, khi vô số nợ xấu phát sinh và doanh nghiệp tê liệt vì thiếu vốn hoạt động.

Mặc dù Thông tư 02/2013/TT-NHNN đã được hoãn nhiều lần nhưng đã bị đưa vào áp dụng triệt để trong tháng 4/2015, hàng loạt doanh nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục bị nợ xấu theo hiệu ứng dây chuyền có thể sẽ làm cho tình hình nợ xấu quốc gia tăng thêm. Do đó việc ngân hàng cho vay vốn đối với các doanh nghiệp cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Nếu như năm 2008 và 2009 Chính phủ nói lỏng tiền tệ cho các ngân hàng tăng trưởng tín dụng đáng kể thì đến năm 2011 Chính phủ đưa ra chính sách thắt chặt tín dụng, hạn chế tăng trưởng tín dụng tại các ngân hàng làm cho các doanh nghiệp khó xoay sở đồng vốn gây hệ lụy nhiều đến hoạt động kinh doanh. Mặc dù hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đã nói lỏng tiền tệ và cho phép các ngân hàng tăng trưởng tín dụng với quy mô lớn, thậm chí nhiều ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng trên 30% trong năm 2015, nhưng chúng tôi không xác định được khi nào chính sách tiền tệ lại tiếp tục bị thắt chặt.

► **Vì vậy phương thức quản trị rủi ro của TTF sẽ là:**

- Tăng nguồn vốn chủ sở hữu từ các cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược từ việc phát hành thêm 40 triệu cổ phần trong tháng 5 năm 2015 để giảm lệ thuộc phần nào từ nguồn vốn vay mà vẫn đủ nguồn vốn lưu động cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính
- Tiếp tục chuyển nhiều hơn sang vay bằng Đô la Mỹ để giảm chi phí tài chính vì lãi tỷ giá được tiên đoán là rất thấp, giảm nhanh các hợp đồng vay bằng Đồng Việt Nam thông qua chương trình bán ra nguyên liệu tồn kho, dù rằng có thể phải bán lỗ đối với nguyên liệu chưa có nhu cầu sử dụng.
- Phát huy việc quản lý sản xuất tinh gọn (Lean Manufacturing) để gia tăng hiệu suất làm giảm tồn kho trên chuyền và giảm giá vốn hàng bán.
- Hoàn thành các bước trong kế hoạch tái cơ cấu tài chính của Công ty trong Quý 2 năm 2015

3.1.2. Rủi ro về luật pháp.

Trên 50% sản phẩm của Trường Thành được xuất khẩu sang thị trường châu Âu, Mỹ, Nhật... nên thông thường phải chịu ảnh hưởng bởi một số sắc thuế nhập khẩu, tập tục thương mại quốc tế, luật chống phá giá. Tuy nhiên, kể từ khi gia nhập AFTA và WTO, thuế nhập khẩu mặt hàng gỗ của Việt Nam vào các thị trường nằm trong các khu vực này chỉ ở mức khoảng 3% nên rất cạnh tranh so với nhiều quốc gia lân cận khác. Bên cạnh đó, qua quá trình tiếp cận với thị trường thế giới trong 20 năm qua, một số cán bộ chủ chốt của Công ty đã thu thập nhiều kinh nghiệm trong thương mại và thanh toán quốc tế nên đảm bảo được ảnh hưởng từ rủi ro này ở mức thấp nhất.

Mặt khác, trong thời gian qua đã có nhiều tin đồn là ngành chế biến và xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam sẽ bị đánh thuế chống phá giá, nhất là sau sự kiện Trung Quốc bị Mỹ áp



thuế chống phá giá lên một số nhóm mặt hàng gỗ, trong đó có nhiều nhất là các sản phẩm gỗ trong phòng ngủ. Tuy nhiên, theo phân tích của một số chuyên gia về luật chống phá giá của Mỹ thì rủi ro này là rất thấp đối với Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Lý do là:

- Luật chống phá giá thông thường chỉ được đem ra xem xét và áp dụng đối với các sản phẩm mang tính cạnh tranh trực diện với các nhà sản xuất trong nước sở tại. Trong khi đó, hầu hết các nhóm mã hàng sản phẩm của Công ty là ít được sản xuất tại Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản.
- Sản lượng xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào thị trường thế giới hiện nay chiếm dưới 5% sản lượng nhập khẩu của thế giới. Như vậy, nếu mỗi doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam biết phân bổ hàng hóa của mình vào từng thị trường xuất khẩu khác nhau theo tỷ lệ thích hợp thì khả năng quản lý và kiểm soát rủi ro là rất cao, hạn chế tối đa những khó khăn khi bị áp thuế chống phá giá.

Ngoài ra, hiện nay Nhà nước ta đang tích cực nghiên cứu, thực hiện các biện pháp hỗ trợ về thông tin thị trường, thông tin luật pháp của các nước nhập khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam. Vả lại, Chính phủ Việt Nam cũng vừa ban hành định hướng phát triển lâm nghiệp cho giai đoạn 2006 đến 2020, với nội dung khuyến khích cao cho các thành phần kinh tế trồng rừng nguyên liệu và phát triển bền vững ngành chế biến gỗ. Trong đó, một trong những nội dung quan trọng là nâng cao kim ngạch xuất khẩu gỗ lên đến 7,8 tỷ USD trước năm 2015. Như vậy mức xuất khẩu của các doanh nghiệp gỗ Việt Nam sẽ tăng trưởng bình quân 25% mỗi năm, và điều này chứng tỏ rằng Chính phủ đã, đang và sẽ quan tâm hơn nữa trong việc tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển bền vững ngành chế biến gỗ Việt Nam.

Vì vậy, xét toàn cảnh môi trường pháp lý và tình hình thực tế của Công ty, rủi ro pháp luật ít có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3.1.3. Rủi ro đặc thù

3.1.3.1. Rủi ro về nguyên vật liệu

Do nguyên liệu chủ yếu là gỗ, chiếm tỷ trọng từ 40% đến 60% trong giá thành sản phẩm nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tăng giá nguyên liệu bao gồm:

- Đặc tính trồng rừng khai thác gỗ dành cho sản xuất hàng mộc với chu kỳ đầu tư khá dài, mất ít nhất 8 năm, thậm chí có gỗ lên đến 20-30 năm. Vì vậy trong những năm qua, khi nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn về vốn đầu tư trung, dài hạn, ngành trồng rừng của chúng ta đã chưa đủ sức thu hút các doanh nghiệp đầu tư, dẫn đến tình trạng khai thác non để bán cho ngành công nghiệp giấy, dẫn đến việc thiếu gỗ địa phương cho ngành chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ Việt Nam.

- Đối với một số gỗ ôn đới như Oak, Ash, Beech, Bạch đàn và Teak có chứng nhận FSC, các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu đồ gỗ phải nhập khẩu. Do đó, khi thu mua với cự ly vận chuyển xa, sẽ có rủi ro về cước vận chuyển tăng cao và đặc biệt với thời gian vận chuyển dài sẽ ảnh hưởng đáng kể đến ngân lưu và vốn lưu động phải tăng cao. Tuy nhiên số gỗ này chỉ chiếm dưới 40% đối với toàn ngành và dưới 15% đối với Công ty.

Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có chịu ảnh hưởng của những rủi ro về giá nguyên liệu. Tuy nhiên, theo thực tế trong bối cảnh kinh tế phát triển bình thường, nếu tình trạng tăng giá nguyên liệu diễn ra thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra của sản phẩm, khi đó Công ty có thể tăng giá bán, doanh thu tăng và triệt tiêu được rủi ro tăng giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, việc nguyên liệu gỗ tăng trong nhiều năm trước năm 2008 đã kéo theo lợi nhuận của các nhà trồng rừng trên thế giới tăng cao, đồng thời kích thích việc đầu tư vào lĩnh vực trồng rừng có quy mô lớn tại các nước như Mỹ, Canada, Thụy Điển, Phần Lan, New Zealand, Uruguay, Chile, Brazil, Costa Rica, Nam Phi... và kể cả Trung Quốc. Tại Việt Nam, gần 10 năm trước đây, Chính phủ đã phát động trồng 5 triệu hecta rừng từ 1997-2007. Hiện nay, theo tổng kết, mặc dù chỉ đạt khoảng 2,2 triệu hecta với một số khiếm khuyết cần phải rút kinh nghiệm như cơ cấu chủng loại cây trồng, phân bổ vùng, và xác định thành phần đầu tư và quản lý..., nhưng sản lượng có thể khai thác trong vài năm tới đây cũng lên tới 30 triệu m³ gỗ tròn mỗi năm, đáp ứng đầy đủ như cầu chế biến gỗ và giấy trong nước. Và hiện nay, Chính phủ đã phát động trồng tiếp 2,5 triệu hecta rừng từ 2006-2010 trong khi diện tích đất trống và đồi trọc của quốc gia có thể dành cho ngành trồng rừng còn đến khoảng 6,1 triệu hecta.

Nguyên liệu gỗ giá trị thấp khai thác từ các cánh rừng TTF trồng sẽ được sử dụng theo tỷ lệ: 40% dùng cho sản xuất và 60% bán lại cho các đối thủ cạnh tranh. Riêng phần gỗ cao cấp, công ty sẽ vẫn mua từ bên ngoài nhưng phần lớn sẽ sử dụng hàng tồn cho nên rủi ro về nguyên liệu trong năm 2015 và những năm sắp tới là rất thấp.

3.1.3.2. Rủi ro về thị trường:

Năm 2015 là năm tâm điểm cho các hiệp định thương mại khu vực (FTA) mà Việt Nam sẽ ký kết, trong đó đặc biệt quan trọng là Hiệp định Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP). Với việc TPP được ký kết, các doanh nghiệp gỗ có nguồn gỗ từ rừng tự trồng như TTF sẽ có giá bán nguyên liệu và thành phẩm cạnh tranh so với Doanh nghiệp Trung Quốc từ 2% đến 5%. Đây sẽ là điểm hấp dẫn để thúc đẩy các khách hàng chuyển dịch từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Thị trường Mỹ khá ổn định với chỉ số DJ luôn trên 17.000 điểm. Chỉ số bán nhà tiếp tục lên cao, kéo theo tiêu thụ đồ gỗ gia dụng tăng đáng kể. Khu vực đồng Euro (Eurozone) hồi phục ấn tượng. Kinh tế Nhật Bản đã tăng trưởng trở lại nhờ được hỗ trợ từ đồng Yên giảm giá và sức ép lạm phát giảm bớt, nhập khẩu đồ gỗ sẽ tăng lên khi công việc tái thiết đất nước đã diễn ra. Bên cạnh đó, Mỹ đã mở rộng danh mục mặt hàng đồ nội thất bị áp thuế chống phá giá đối với xuất xứ Trung Quốc. Trong khi đó thì Trung Quốc lại tăng giá nhân công và giảm ưu

đãi cho xuất khẩu đồ gỗ, nhân dân tệ tăng giá, kéo theo đồ gỗ của họ khó cạnh tranh về giá hơn, Vì vậy, thị trường xuất khẩu đồ gỗ có xu hướng rộng mở hơn đối với Việt Nam. Tuy nhiên, tình hình bất động sản trong nước chỉ vừa bắt đầu trở dậy trong năm 2014 cho nên thị trường trang trí nội thất và kinh doanh đồ gỗ tại nội địa khó tăng trưởng mạnh trong năm 2015

Vì vậy phương thức quản trị rủi ro của TTF sẽ là:

- Bên cạnh duy trì việc chăm sóc và nâng cao giá trị đơn hàng từ các khách hàng lâu năm công ty sẽ tận dụng tối đa xu hướng dịch chuyển của khách hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam do tác động của các hiệp định đã và sắp được ký kết trong năm 2015. Hiện tại đã có không ít những đơn hàng dạng này đã “cập bến” TTF theo dạng thăm dò nhưng sẽ là những đơn hàng đầy triển vọng sau khi các hiệp định như TPP có hiệu lực chính thức.

- Thị trường trong nước của Công ty đã bắt đầu được củng cố thêm qua việc mở rộng hệ thống bán lẻ dưới hình thức các siêu thị nội thất mà tiêu biểu là việc khai trương siêu thị nội thất tại Hà Nội vào tháng 3 năm 2015 vừa qua. Dự kiến sẽ mở thêm 2 siêu thị tương tự tại TPHCM trong năm 2015 khởi đầu cho công cuộc đánh chiếm thị trường nội địa trong những năm sắp tới.



Bộ sản phẩm bàn ăn ngoài trời Linda



3.2. Giả định các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong năm 2015

► **Rủi ro 1:** Việc hoàn thành 20% phần còn lại của việc tái cơ cấu tài chính bị chậm trễ so với kế hoạch có thể ảnh hưởng đến nguồn ngân lưu của công ty. Tuy nhiên ảnh hưởng này sẽ không đáng kể nếu so với các năm trước đây khi việc tái cơ cấu chưa được tiến hành.

► **Rủi ro 2:** Mặc dù việc giải chấp gỗ nguyên liệu trong năm 2014 được thực hiện khá tốt do có sự hỗ trợ từ phía DATC và giá gỗ Teak đã có dấu hiệu hồi phục nhưng khả năng lỗ tiềm tàng cho phần nguyên liệu tồn kho vẫn ở mức 10%, do tồn kho kéo dài từ 2008 đến nay, chất lượng nguyên liệu cũng xuống cấp từ 10-25% tùy loại.

► **Rủi ro 3:** Lạm phát VN dự kiến vẫn ở mức từ 4-5% trở lên do tác động theo độ trễ của những chính sách tháo gỡ khó khăn sản xuất kinh doanh các năm 2013 và 2014, cùng với đó là tình hình thiên tai, bão lũ, dịch

bệnh trên cây trồng vật nuôi, bên cạnh việc một vài mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện, học phí, thuốc và dịch vụ y tế nhiều khả năng sẽ có thêm những đợt điều chỉnh giá mới. Tuy nhiên, trong quý 1 năm 2015 lạm phát ở mức 3.5% cho nên có thể thấy tỷ lệ lạm phát đang có xu hướng giảm. Rủi ro về làm phạm qua đó cũng sẽ giảm theo.

► **Rủi ro 4:** Chính phủ tuy đã nới lỏng chính sách tiền tệ trong năm 2014 nhưng do việc thắt chặt đã kéo dài quá lâu dẫn đến tình trạng sẽ có nhiều doanh nghiệp nói chung, cũng như TTF nói riêng sẽ chưa kịp phục hồi trong vòng 1 hay 2 năm tới.

► **Rủi ro 5:** Gói 30 tỷ đồng của Chính phủ giải cứu cho ngành bất động sản chưa phát huy được hiệu quả vì các thủ tục giải ngân quá chậm chạp và rườm rà.



TÌNH HÌNH

HOẠT ĐỘNG NĂM 2014



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Diễn giải	Thành tiền (VND)
1	Doanh thu thuần	1.458.733.118.306
2	Lợi nhuận gộp	276.149.257.706
3	Lợi nhuận sau thuế	67.184.049.520
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	70.619.947.535
5	EPS	911

1.2. Những thay đổi, biến động lớn

1.2.1. Về Doanh thu

Giảm 13% so với kế hoạch do 9 tháng đầu năm chưa khởi thông được nguồn vốn vay ngân hàng, Đến Quý 4 năm 2014 thì nguồn vốn mới được đáp ứng cho nên các đơn hàng được thực hiện chủ yếu vào thời gian này.

1.2.2. Về Lợi nhuận

Năm 2014 lợi nhuận công ty tăng đáng kể gấp 18 lần so với năm 2013. Đây là giá trị cao nhất trong 5 năm vừa qua. Tuy nhiên, lợi nhuận này chủ yếu có được từ các hoạt động tài chính..

1.2.3. Về Chi phí

So với năm trước thì:

- Chi phí tài chính giảm 71%
- Chi phí bán hàng tăng 54%
- Chi phí quản lý tăng 33%

Đối với chi phí quản lý, thực hiện theo chỉ đạo của HĐQT về việc tăng năng suất mạnh mẽ, công ty cần tăng cường cán bộ quản lý cấp cao, tuyển dụng nhiều Cán bộ Quản lý sản xuất mới nhằm chuẩn bị cho chu kỳ

phát triển, nhất là 6 tháng đầu năm 2014 đã tăng cường nhân sự đáng kể và đã làm chi phí quản lý tăng 19%. Đây là việc cần thiết cho việc phát triển trong 2015 và các năm sau

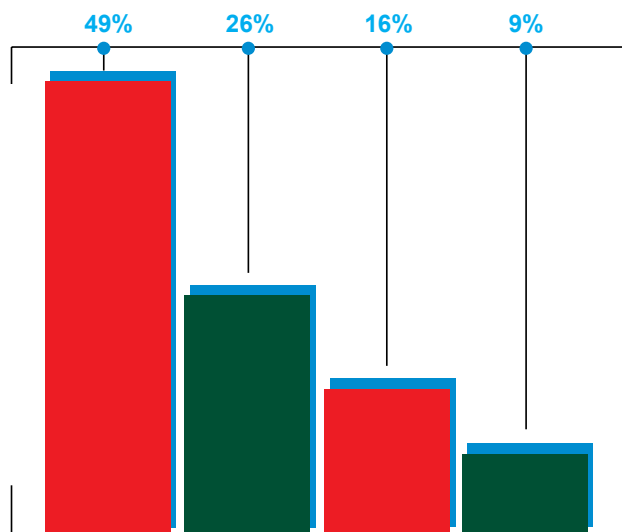
Về tỷ lệ giá vốn trên doanh thu: 80%

1.2.4. Về thị trường

TTF ưu tiên hơn cho các đơn hàng công trình nội địa, do có phương thức thanh toán tốt hơn, cũng như có tỷ lệ lợi nhuận thô/ doanh thu cao hơn các đơn hàng xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty còn tăng cường bán sản phẩm ván nhân tạo do công ty con tự sản xuất. Do đó, tỷ lệ doanh thu cho thị trường nội địa cũng đã tăng dần lên, ngang ngửa với thị trường xuất khẩu

1.2.5. Về sản phẩm

Ván sàn, đặc biệt là dòng kỹ thuật cao, đã tăng vọt ấn tượng lên đến 16%, do thu hút được nhiều chủ đầu tư các công trình bất động sản cao cấp tại Việt Nam như Vincom Center, Eden, Vinpearl Đà Nẵng, Tàu du lịch Amalotus, Royal City, Times City... Hàng trong nhà cũng tăng, trong khi hàng ngoài trời giảm, vì khi thiếu tài chính thì ưu tiên chọn đơn hàng nội địa có phương thức thanh toán phù hợp hơn để làm. Cơ cấu dòng hàng theo doanh số năm 2014 như sau:



Hàng trong nhà:

49%

Hàng ngoài trời:

26%

Ván sàn:

16%

Khác (ván, gỗ, vật tư):

9%

1.3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Diễn giải	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	So với năm 2013	So với kế hoạch 2014
Doanh thu thuần	1.550.346	1.683	1.461.989	-5,74%	-13,19%
Lợi nhuận gộp	304.739	315	276.149	9,51%	12,38%
Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/ Doanh thu thuần	80%	81%	81%	1%	0%
Doanh thu hoạt động tài chính	8.920	27	16.228	79,78%	-40,74%
Chi phí tài chính	219.173	155	63.495	-70,78%	-58,71%
Chi phí bán hàng	12.624	26	20.439	53,85%	-23,08%
Chi phí quản lý	77.590	80	103.773	33,33%	30%
Lợi nhuận sau thuế	-4.693	63	67.184	1.440%	6,35%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	3.869	-	70.620	18 lần	-
EPS (đồng)	76	-	911	12 lần	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2013 và 2014 của TTF và kế hoạch kinh doanh đã thông qua trong ĐHCĐ thường niên 2014

Mặc dù doanh thu năm 2014 giảm 13% và lợi nhuận gộp giảm 12% nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng 1100% so với kế hoạch cho thấy được hiệu quả rất tích cực của việc tái cơ cấu tài chính của công ty.



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Những thay đổi trong Ban Điều hành

Thời gian	Bổ sung	Miễn nhiệm	Ghi chú	Số lượng thành viên BĐH sau khi bổ sung/miễn nhiệm
19/9/2014		Ông Nguyễn Ngọc Lễ Kế toán trưởng	Thuyên chuyển Ông Nguyễn Ngọc Lễ sang vị trí quản lý khác	6
19/9/2014	Ông Đào Ngọc Quyết Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán Trưởng		Thay thế Ông Nguyễn Ngọc Lễ	6

2.2. Tình hình biến động nhân sự

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 3.467 người, giảm khoảng 30% so với năm 2013

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2013: Không có

3.2. Hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con và công ty liên kết:

3.2.1. Các công ty con trực tiếp

3.2.1.1. CTY CP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL1) – Hợp nhất
CTY CP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL1) – Hợp nhất

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	31.119
2	Lợi nhuận sau thuế (đã trừ lợi ích của cổ đông thiểu số)	-45.680
3	Vốn Chủ sở hữu	-11.331
4	Tổng Tài sản	463.295
5	Vay ngắn hạn	161.880
6	Vay dài hạn	20.000

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của TTDL1

3.2.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL2)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	201.461
2	Lợi nhuận sau thuế	-16.648
3	Vốn Chủ sở hữu	15.014
4	Tổng Tài sản	378.620
5	Vay ngắn hạn	156.883
6	Vay dài hạn	13.801

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của TTDL2

3.2.1.3. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTBD2)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	614.185
2	Lợi nhuận sau thuế	16.955
3	Vốn Chủ sở hữu	160.151
4	Tổng Tài sản	708.006
5	Vay ngắn hạn	250.501
6	Vay dài hạn	36.000

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của TTBD2

3.2.1.4. CTY CP VÁN CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTBD 3)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	510.718
2	Lợi nhuận sau thuế	-2.495
3	Vốn Chủ sở hữu	48.505
4	Tổng Tài sản	436.485
5	Vay ngắn hạn	37.629
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của TTBD3

3.2.1.5. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTC)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	175
2	Lợi nhuận sau thuế	-11.313
3	Vốn Chủ sở hữu	48.271
4	Tổng Tài sản	130.767
5	Vay ngắn hạn	18.139
6	Vay dài hạn	42.400

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của TTC

3.2.1.6. CTY CP TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTP)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	10.254
2	Lợi nhuận sau thuế	-15.541
3	Vốn Chủ sở hữu	42.650
4	Tổng Tài sản	56.014
5	Vay ngắn hạn	6.280
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của TTP

3.2.1.7. CTY CP CÔNG NGHIỆP GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTI)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	31.605
2	Lợi nhuận sau thuế	6.271
3	Vốn Chủ sở hữu	24.618
4	Tổng Tài sản	34.846
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của TTI

3.2.1.8. CTY CP TRƯỜNG THÀNH XANH (gọi tắt là TTG)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	23.860
2	Lợi nhuận sau thuế	-16.527
3	Vốn Chủ sở hữu	36.718
4	Tổng Tài sản	41.834
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của TTG

3.2.1.9. CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTTĐ)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	-6.678
3	Vốn Chủ sở hữu	6.122
4	Tổng Tài sản	7.005
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của TTTĐ

3.2.1.10. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH ĐAKNONG

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	-2.46
3	Vốn Chủ sở hữu	-259
4	Tổng Tài sản	43
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của Trường Thành Đắk Nông

3.2.1.11. CTY CP THƯƠNG MẠI XNK TRƯỜNG THÀNH ĐẮK NÔNG

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	262.371
2	Lợi nhuận sau thuế	42.320
3	Vốn Chủ sở hữu	62.320
4	Tổng Tài sản	174.259
5	Vay ngắn hạn	3.772
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của XNK Trường Thành Đắk Nông

3.2.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH M'DRAK

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	17.590
2	Lợi nhuận sau thuế	48
3	Vốn Chủ sở hữu	7.609
4	Tổng Tài sản	18.065
5	Vay ngắn hạn	4.600
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của Trường Thành M'Drak

3.2.2. Các công ty con gián tiếp

3.2.2.1. CTY CP NÔNG LÂM CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG AN

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	-7.527
3	Vốn Chủ sở hữu	-2.127
4	Tổng Tài sản	7.080
5	Vay ngắn hạn	5.044
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của Trường An

3.2.3. Các công ty liên kết, liên doanh

3.2.3.1. CTY CP BAO BÌ TRƯỜNG THÀNH

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	7.748
2	Lợi nhuận sau thuế	-345
3	Vốn Chủ sở hữu	989
4	Tổng Tài sản	6.374
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của Bao bì Trường Thành

3.2.3.2. CTY TNHH TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH - OJI

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	3.558
2	Lợi nhuận sau thuế	-3.840
3	Vốn Chủ sở hữu	177.937
4	Tổng Tài sản	230.486
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	45.785

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của Trường Thành-OJI

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

a/ Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.518	4.012	14,04%
Doanh thu thuần	1.545	1.459	-5,57%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.271	104.670	2.350%
Lợi nhuận khác	- 7.178	-17.636	145,70%
Lợi nhuận trước thuế	- 4.173	84.925	
Lợi nhuận sau thuế	- 4.693	67.184	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	3.869	70.620	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2013-2014 của TTF

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,15	1,3
Hệ số thanh toán nhanh	0,22	0,4
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,73	68%
Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu	3,02	2,76
Vòng quay hàng tồn kho	0,59	0,5
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,44	0,4
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	- 0,30%	4,84%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu	- 0,55%	7,05%
Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	- 0,13%	1,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	+ 0,28%	2,61%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2013-2014 của TTF

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU TRONG NĂM 2014

5.1. Cổ phần

• TỔNG SỐ CỔ PHẦN:

100.067.100 cp

• CỔ PHIẾU QUỸ:

464 cp

• KHÔNG CÓ CỔ PHẦN ƯU ĐÃI

• SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH CHÓT 31/12/2013:

100.066.636 cp

• SỐ PHẦN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG:

26.567.100 cp

5.2. Cơ cấu cổ đông

5.2.1. Theo tiêu chí cổ đông lớn – nhỏ:

Diễn giải	Chốt ngày 31/12/2014		
	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông lớn	2	17.071.965	17,06%
Cổ đông nhỏ (đã trừ cổ phiếu quỹ)	3.377	82.994.671	82,94%

Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 31/12/2014 được cung cấp bởi trung tâm Lưu ký Chứng khoán





5.2.2. Theo tiêu chí cổ đông tổ chức – cá nhân:

Chốt ngày 31/12/2014			
Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông tổ chức (đã trừ cổ phiếu quỹ)	67	24.825.709	24,81%
Cổ đông cá nhân	3314	75.240.927	75,19%

Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 31/12/2014 được cung cấp bởi trung Tâm Lưu ký Chứng khoán

5.2.3. Theo tiêu chí cổ đông trong nước – ngoài nước:

Chốt ngày 31/12/2014			
Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông tổ chức (đã trừ cổ phiếu quỹ)	3.325	94.014.979	93,95%
Cổ đông cá nhân	54	6.051.657	6,05%

Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 31/12/2014 được cung cấp bởi trung Tâm Lưu ký Chứng khoán

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Tăng	Giảm	Số cuối năm 2013
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	265.671.000.000	-	735.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	31.407.360.000	99.062.086.764
Cổ phiếu quỹ	-	-	-420.631.294
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.494.752.650
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	3.767.885.040
Quỹ khác thuộc CSH	-	-	8.963.110
Lợi nhuận chưa phân phối	112.862.987.478.468	-20.375.757	3.405.797.956
Cộng	378.533.987.478.468	31.386.984.243	851.318.854.225

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 của TTF

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng do phát hành **26.567.100** cổ phần cho các nhà đầu tư theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01-14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2014

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không

CÁC
BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ



CÁC BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

A. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan

• **Nhân sự:** Việc tái cơ cấu nhân sự mạnh mẽ trong năm 2014, tuyển dụng bổ sung nhân lực phù hợp bên cạnh việc tiếp tục tinh giản những CBNV làm việc với hiệu quả thấp là nguyên nhân chính dẫn đến sự biến động nhân sự của Công ty. Do đó, đến 31/12/2014, toàn Tập đoàn chỉ còn 2.200 người, giảm đến 36% so với năm 2013

• **Sản xuất:** Do 9 tháng đầu năm chưa khơi thông được nguồn vốn vay ngân hàng, trong khi đó không thể giải ngân tại ngân hàng khác nên doanh số 6 tháng đầu năm rất thấp. Ngoài ra cũng do cuối năm 2013 công ty không có vốn nên cũng không dám nhận đơn hàng, vì vậy 6 tháng đầu năm không tránh khỏi doanh số thấp, dẫn đến doanh số năm 2014 giảm gần 6% so với năm 2013 và giảm 13% so với kế hoạch năm 2014.

• **Hệ thống phân phối nội địa:** Ngoài hơn 40 điểm bán hàng Trường Thành trên

toàn quốc đã được thiết lập trong năm 2013 và 2014 tại các tỉnh thành trên toàn quốc, trong những tháng cuối năm 2014, công ty đã xây dựng thành công kế hoạch phát triển thị trường nội địa bằng việc mở các siêu thị nội thất mang thương hiệu Trường Thành Furnimart và tiêu điểm cho triển vọng phát triển này là việc khai trương siêu thị nội thất đầu tiên tại Hà Nội vào tháng 03 năm 2015. Các sản phẩm mới cần tung ra thị trường nội địa theo Kế hoạch Kinh doanh năm 2014 như Giường Hết Chỗ Chê, Bộ Bàn Ăn Siêu bền Siêu nhẹ, Cửa Miễn Góp y và một số sản phẩm mới đã được lên kế hoạch sản xuất đại trà cho năm 2015 nhằm cung cấp sản phẩm cho kênh tiêu thụ mới này.

• **Tỷ lệ doanh thu xuất khẩu theo từng khu vực:** Mỹ hầu như không thay đổi, vẫn chiếm khoảng 50%. Nhật Bản và Hàn Quốc thì có tăng nhẹ khoảng 10% mỗi thị trường. Riêng Châu Âu thì còn 40% (do thị trường Châu Âu dần hồi



phục). Các thị trường quốc tế khác chiếm khoảng 4%.

• **Dòng sản phẩm:** Hàng nội thất chiếm 49%, hàng ngoại thất chiếm 26%, ván sàn/ tương tự chiếm 16%. Còn lại 9% đến từ những

- **Nguyên liệu:** Nguyên liệu chiếm tỷ trọng cao nhất là Acacia 30%, sau đó đến ván ép 10%, Xoan đào 8%, Mahogany 7%, Hương & Cẩm xe 7%, Cao su 6%, Teak 5%, còn lại 27% là nhiều loại gỗ khác như Chò chỉ, Bạch đàn, Oak, Cherry....



Kho nguyên liệu gỗ của TTF

- **Khả năng sinh lời:** Với việc hoàn thành phần lớn việc tái cơ cấu trong năm 2014, lợi nhuận sau thuế đã đạt con số 70 tỷ, gấp 12 lần so với kế hoạch.

1.2. Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với việc thực hiện không thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

Không đạt được doanh thu và lợi nhuận như kỳ vọng của nhà đầu tư.

Các giải pháp cải tiến cho năm 2015 để thay đổi cục diện này:

- Hoàn thành tái cơ cấu nợ trong Quý 2 năm 2015
- Tiếp tục thanh lý hàng tồn kho với mục tiêu thu hồi 300-400 tỷ tiền vốn.
- Tuyển dụng nhân sự mới cho việc bán hàng, đặc biệt là phó tổng giám đốc chuyên trách để tăng trưởng doanh thu.
- Xây dựng chính sách tồn kho nguyên vật liệu cho từng tháng. Khi đã giải chấp được tồn kho nguyên liệu để thanh lý, sẽ không tiếp tục dự trữ cao, kể cả các loại gỗ đang có nhu cầu sản xuất ổn định.
- Các Phó TGĐ định kỳ sẽ báo cáo lên HĐQT về dự đoán kết quả kinh doanh và dự đoán ngân lưu cho từng quý

1.3. Những tiến bộ Công ty đạt được

a) Duy trì và phát triển chương trình đầu tư khép kín công nghệ như:

- Gỗ tròn thu hoạch từ rừng trồng tới đây sẽ được phân loại: phù hợp cho cửa xẻ hay bóc (rotary veneer) hay lạng (slice veneer) để tăng giá trị sau quá trình chế biến để xuất khẩu, và bán cho nhà sản xuất đồng ngành (hiện chủ yếu là công ty Đài Loan) các loại bán thành phẩm như: ván lạng, ván ép các loại - đặc biệt là ván ép dùng ngoài trời



- Các phế phẩm và chất thải loại như mạt cưa, dăm bào, ván bóc vụn... được hệ thống hút bụi thu gom, sau đó lọc khí sạch thải ra môi trường. Tất cả chất rắn phế phẩm này được hệ thống băng tải vận chuyển qua nhà máy sản xuất ván nhân tạo PB, để sản xuất ra ván nhân tạo chống nước và đạt chuẩn E0 là chuẩn cao nhất thế giới hiện nay

b) Duy trì và phát triển chương trình đầu tư cho Phòng thí nghiệm, phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển. Phòng thí nghiệm có khả năng thực hiện việc kiểm soát từ các loại hóa chất, độc tố trong sản phẩm đến khả năng kiểm soát về cơ lý, độ bền vật liệu của gỗ, ván nhân tạo và sản phẩm. Qua đầu tư này, Công ty đã có khả năng nghiên cứu và phát triển tốt hơn và sẽ tạo ra nhiều sản phẩm tốt trong tương lai, thu hồi được vốn đầu tư nhanh chóng. Các dòng sản phẩm được tung ra thị trường VN và quốc tế trong 3 năm gần đây đã giúp TTF trúng thầu nhiều hơn trong việc thi công

trang trí nội thất cho các công trình lớn tại Việt Nam



Phòng thí nghiệm của TTF

c) Các giải thưởng trong năm:

Với hơn 40 giải thưởng cao quý trong 12 năm qua, năm 2013 TTF đã tiếp tục đạt được các thành tích sau:

- + Doanh nghiệp niêm yết đạt danh hiệu Top 50 Báo cáo Thường niên tốt nhất năm 2014 do Sở GD&ĐT TP.HCM xét chọn và trao tặng
- + Giải thưởng "Doanh Nhân Xuất sắc Đất Việt 2014" do Bộ công thương phối hợp Tập đoàn truyền thông Quốc gia Việt Nam xét chọn và trao tặng
- + Giải thưởng "Top 300 Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam" do Người tiêu dùng bình chọn
- + Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2014 do Người tiêu dùng bình chọn



Giải thưởng
Top 50 Báo Cáo Thường Niên Tốt nhất 2014



Chứng nhận
Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2014

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

- Tăng mạnh "Phải thu khách hàng" so với năm 2013 (tăng khoảng 323 tỷ đồng, tương đương 118.8 %) do trong năm 2014 Công ty đã thực hiện ký kết thêm nhiều khách hàng mới với giá trị hợp đồng lớn tuy nhiên điều khoản thanh toán trả chậm từ 3 đến 6 tháng dẫn đến các khoản phải thu tăng lên đáng kể so với năm 2013. Đồng thời, Khi có các hợp đồng lớn này Công ty cũng chủ động đàm phán kéo dài thời gian thanh toán với các nhà cung cấp nguyên vật liệu, vật tư đầu vào làm cho các khoản "Trả trước cho người bán" cũng đã tăng 73.6 % (tương đương khoảng 87.7 tỷ đồng).

- Tiếp tục tăng "Tồn kho" khoảng 5.3% (tương đương 119 tỷ đồng) chủ yếu do: Trong tháng 6/2014 Công ty đã thực hiện thành công việc DATC mua 543 tỷ nợ của Vietcombank tại công ty mẹ và các công ty con và trong tháng 12/2014 công ty đã tiếp tục thực hiện thành công việc DATC mua 254 tỷ nợ của MB tại công ty mẹ và các công ty con, vì vậy Công ty đã mạnh dạn nhận nhiều đơn hàng mới với giá trị hợp đồng lớn. Đồng thời Công ty đã đồng hành với Ngân hàng chiến lược là Ngân hàng Việt Á để có bảo đảm cam kết trực tiếp với các khách hàng cũ và mới bằng văn bản thể hiện Ngân hàng Việt Á cam kết cung cấp đủ vốn cho TTF để đáp ứng 100% các đơn hàng của khách. Việc này đã giúp Công ty ký kết được nhiều đơn hàng hơn đưa và sản xuất kể từ Quý 4/2014 trở đi và phát triển mạnh mẽ từ năm 2015. Tuy nhiên nguồn vốn tài trợ từ Ngân hàng Việt Á chủ yếu dùng để mua các nguyên liệu mới cho những dòng hàng mới vì vậy dẫn đến hàng tồn kho vẫn tăng nhẹ vào thời điểm cuối năm 2014.

- Không có biến động (tăng/giảm) đối với tài sản dài hạn đáng kể. Tuy nhiên, đối với các khoản đầu tư dài hạn vẫn chưa mang

lại dòng tiền và lợi nhuận cho công ty cho năm 2014:

- + Các khoản đầu tư vào trồng rừng: Công ty đã bắt đầu khai thác với quy mô 500ha từ cuối năm 2014 và dự kiến sẽ thực hiện khai thác khoảng 1.000ha mỗi năm kể từ 2015 đến 2020. Tổng giá trị nguồn thu trong giai đoạn này là 800 tỷ đồng và trung bình mỗi năm là 120 tỷ đồng.

- + Đầu tư vào Quỹ y tế Bản Việt (30 tỷ vốn gốc): Dự kiến trong Quý 1/2015 sẽ thu hoàn được 12 tỷ đồng trong đó vốn gốc là 8,547 tỷ đồng và lãi là 3,453 tỷ đồng. Giá trị còn lại sẽ thu lại trong Quý I năm 2016.

- + Đầu tư vào dự án BĐS: Hiện thị trường đầu ra vẫn còn xấu nên công ty chưa triển khai. Đang tìm đối tác chuyển nhượng các dự án. Dự kiến sẽ chuyển nhượng trước dự án đất 10.320m² tại Dĩ An - Bình Dương trong Quý 2 năm 2015.

- + Đối với việc đầu tư máy móc thiết bị và nhà xưởng: Năm 2014 việc đầu tư thêm máy móc thiết bị và nhà xưởng không đáng kể.



2.2. Tình hình nợ phải trả:

- **Nợ vay ngắn hạn:** so với năm 2013, dư nợ ngắn hạn tại các ngân hàng giảm khoảng 1 tỷ đồng trên toàn Tập đoàn (riêng Công ty mẹ thì giảm khoảng 65 tỷ đồng). Các khoản vay thêm này chủ yếu đến từ ngân hàng mới là Việt Á nhằm thực hiện các đơn hàng mới và chủ yếu được giải. Mặc dầu đến cuối năm công ty vẫn có lượng tiền gửi khoảng 86 tỷ đồng nhưng công ty không dùng để giảm nợ vay mà dùng để đẩy nhanh hoạt động phục hồi sản xuất kinh doanh và phục vụ các phương án tái cơ cấu nợ trong Quý 3 năm 2015 khi đó mới tiến thực hiện giảm nợ vay.

- **Tăng "Phải trả cho người bán"** hơn 87 tỷ đồng, tương đương 73% so với năm 2013 do hầu hết các nhà cung cấp lớn nhận thấy Công ty đã có dấu hiệu khả quan về tình hình tài chính, và thực hiện nhiều giải pháp tái cấu trúc tài chính hiệu quả trong năm 2014 nên đã đồng ý cho Công ty hạn mức tín dụng thanh toán nợ lâu hơn nữa vì sự hồi phục và phát triển của Công ty cũng kéo theo việc tăng doanh số và kết quả kinh doanh của chính các nhà cung cấp này



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2013 và 2014, Ban Điều hành dùng phần lớn thời gian để tìm giải pháp cải thiện tình hình ngân lưu của Công ty. Do đó, chỉ có một số cải tiến được thực hiện như sau:

- Sàng lọc khách hàng và đơn hàng khi nhận đơn hàng và khi đưa đơn hàng vào sản xuất phù hợp với tình hình tài chính của Công ty theo Quy định về đánh giá xếp hạng ưu tiên khách hàng đã ban hành trong năm.
- Duy trì việc lập và cập nhật thường xuyên kế hoạch thu – chi thường xuyên bởi một nhóm cán bộ của nhiều phòng ban có liên quan, nhằm hiệu quả hóa việc phân phối tài chính tại một số thời điểm mà thu vào ít hơn chi ra.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Kế hoạch phát triển Ban điều hành

Tăng cường số lượng thành viên Ban điều hành song song với nâng cao nhận thức, trách nhiệm và các khả năng quản lý chuyên và điều hành tổng thể của các thành viên Ban điều hành.

4.2 Kế hoạch phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh

- Rà soát, đánh giá tất cả các công ty con, để từ đó tiến hành sáp nhập và/ hoặc giải thể, làm cho bộ máy của Tập đoàn gọn gàng hơn, quản lý chặt chẽ và sâu hơn
- Hạn chế phát triển thêm các công ty con để trồng rừng khi tài chính cho hoạt động chế biến gỗ chưa đủ mạnh
- Thành lập công ty chuyên về thi công trang trí nội thất, với nền tảng là Khối Công trình hiện nay của Công ty, nhằm chuyên môn hoá hoạt động cũng như đẩy nhanh các thủ tục cần thực hiện trong hoạt động thi công trang trí nội thất đối với các công trình cao cấp
- Tìm kiếm các cơ hội M&A đối với các công ty đồng ngành phù hợp khi tài chính đủ mạnh, đưa Tập đoàn sớm đạt được tầm nhìn trở thành TOP 50 trên toàn thế giới trong ngành chế biến gỗ



Bộ Sofa



1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Với ý chí mạnh mẽ, toàn thể Công ty đã hết sức nỗ lực trong mọi hoạt động trong năm 2014 – thêm một năm những tưởng Công ty đã không thể vượt quá sức ép quá mạnh của dòng ngân lưu. Mặc dù kết quả hoàn toàn không đáp ứng được kế hoạch đã đề ra, nhưng đã có một số điểm sáng, chẳng hạn:

- Giá vốn hàng bán được cải thiện đáng kể, thể hiện sự quản trị chi phí có tiến bộ, đồng thời có cải tiến trong việc sàng lọc khách hàng và đơn hàng;
- Nhân sự được tinh giảm kịp thời, giúp giảm chi phí quản lý hợp lý theo doanh số của Công ty;
- Tiếp cận được nhiều công trình bất động sản cao cấp tại Việt Nam, hứa hẹn sự gia tăng lợi nhuận hoàn toàn khả thi trong tương lai gần, khi tỷ lệ hàng công trình tăng lên đáng kể trong tổng các dòng hàng
- Việc tái cơ cấu tài chính từng bước đã làm cho Công ty hồi phục, nếu không nói là sẽ trở nên rất mạnh mẽ sau khi thực hiện kế hoạch này thành công.
- Thanh lý mạnh mẽ hàng tồn kho. Sau khi DATC mua nợ, công ty sẽ giải chấp hàng tồn kho và bán thanh lý khoản 300 tỷ đồng để thu hồi vốn giảm nợ vay

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Điều hành

Ban Điều hành đã thường xuyên họp để đánh giá các tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình sản xuất kinh doanh và đặc biệt là đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề ngân lưu đã được báo động từ đầu năm 2012 cho HĐQT; thậm chí cùng phòng Tài chính rà soát thông tin về ngân lưu nhằm đánh giá chắc chắn mức độ thiếu hụt. Ban Điều hành đã thấy rõ vấn đề khó khăn, tuy nhiên, các giải pháp đưa ra, ngay cả từ HĐQT, cũng rất khó khi thực hiện trong bối cảnh các ngân hàng đang củng cố và giải bài toán nợ xấu. Tuy nhiên, Ban điều hành và HĐQT cũng đã thực hiện nhiều giải pháp để cơ cấu các khoản nợ vay cũng như các giải pháp mua bán nợ đến nay đã thực hiện được 80% kế hoạch và Ban điều hành đang gấp rút thực hiện 20% còn lại trong Quý 2 / 2015



Bộ bàn ăn Hoàng Gia



3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Khôi phục lại hoạt động mạnh mẽ của các tiểu ban trong HĐQT
- Thực hiện kế hoạch tài chính nhằm đủ ngân lưu thực hiện Kế hoạch Kinh doanh
- Rà soát việc sáp nhập các công ty con để tăng cường quản lý, giải thể một số công ty con để bộ máy tập đoàn được tinh gọn hơn
- Đưa các cán bộ của Công ty mẹ tăng cường thêm cho HĐQT các công ty con, nhằm kiểm soát hoạt động và thúc đẩy sản xuất kinh doanh tại các công ty con tốt hơn
- Giảm số lượng thành viên HĐQT xuống dần còn 7 và sau đó còn 5 thành viên chuyên trách, thay vào đó là tăng cường mạnh Ban điều hành nhằm giám sát các hoạt động hằng ngày và thực hiện tốt các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đặt ra

C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT



1. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2014

Với vai trò giám sát tình hình hoạt động đặc biệt là công tác tài chính, trong năm 2014 Ban Kiểm Soát đã họp định kỳ 6 tháng một lần và thường xuyên trao đổi thông tin qua email, điện thoại để kịp thời nắm bắt các hoạt động của Công ty.

Các hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2014:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.
- Tham gia góp ý kiến và đưa ra các kiến nghị đối với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm 2014.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật.
- Kiểm soát tài chính: Phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ và đơn vị kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp lệ trong việc ghi chép sổ sách kế toán và lập các báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Tìm hiểu các vấn đề phát sinh trong quá trình soát xét và kiểm toán

BCTC.

• Ngoài ra BKS cũng thường xuyên theo dõi các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, các thông tin bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2014:

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty, báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam và các công việc thẩm định do Ban kiểm soát tiến hành đối với các báo cáo này. Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập DFK: Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



3. Đánh giá của Ban kiểm soát về kiểm soát tài chính:

► Công tác kế toán, kiểm toán nội bộ:

- Việc hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với chuẩn mực, chế độ và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.
- Lưu trữ sổ sách kế toán rõ ràng, dễ kiểm tra, kiểm soát. Việc cung cấp thông tin nhanh chóng kịp thời.
- Trong năm, bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động tích cực, góp phần hỗ trợ cho Ban điều hành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Tuy nhiên hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ vẫn chưa tách bạch hoàn toàn khỏi công tác tài chính kế toán; Do đó chưa phát huy hết được tính độc lập, vai trò kiểm tra, giám sát của bộ phận Kiểm toán nội bộ.



► Về tình hình tài chính:

- Tình trạng tích trữ tồn kho: Số dư tồn kho tại ngày 31/12/2014 của toàn Tập đoàn là 2.365 tỷ đồng – tăng hơn 120 tỷ đồng so với năm 2013 – trong khi doanh thu của năm 2014 giảm.
- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.
- Về tiến độ giải phóng hàng tồn kho chậm luân chuyển: Hiện nay Công ty đã có 1 bộ phận chuyên trách việc tiêu thụ nguyên vật liệu tồn kho và đang bán cho nhiều đối tác tại Bình Dương và Bình Định cũng như cố

gắng đưa vào sản xuất, tuy nhiên đa số là đơn hàng nhỏ lẻ hoặc quy cách nguyên liệu tồn kho không phù hợp với nhu cầu của khách do đó tiến độ giải phóng hàng tồn kho không như mong muốn. Hơn nữa trong một số trường hợp Công ty không đủ tài chính để giải chấp ngân hàng khi có khách hàng mua cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng hàng tồn kho chậm luân chuyển.

- Tình hình nợ vay: Tổng dư nợ vay ngân hàng đến ngày 31/12/2014 là 1.956 tỷ đồng (bao gồm cả ngắn hạn và dài hạn) – giảm 25 tỷ so với đầu năm.

- Tình hình ngân lưu: Tuy đã khá hơn năm 2013 do việc bổ sung nguồn tiền từ các hoạt động mua bán nợ, từ phát hành tăng vốn, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu vốn lưu động của Công ty, vì vậy vẫn làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014

4.1. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014

Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014, chủ yếu do khó khăn về dòng ngân lưu.

4.2. Tăng vốn điều lệ: Trong năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 1.000.671.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cho các nhà đầu tư. Thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.

4.3. Các vấn đề khác (Xem trang sau)



Nghị quyết ĐHĐCĐ 2014	Thực hiện	Đánh giá
Vấn đề 7: Ủy quyền cho HĐQT chọn công ty kiểm toán năm 2014 trong số một trong 05 đơn vị: KPMG Việt Nam, Ernst & Yuong Việt Nam; DFK, IFC; An Phú	Công ty Kiểm toán được lựa chọn là DFK.	Thực hiện đúng theo nghị quyết ĐHĐCĐ.
Vấn đề 8: Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2014: + HĐQT: 532 triệu đồng (Chủ tịch 100 triệu đồng; ủy viên 72 triệu đồng) + BKS: 84 triệu đồng (Trưởng ban 36 triệu đồng, thành viên 24 triệu đồng)	Chưa thực hiện	Ưu tiên thanh toán nợ lương cho CBNV và người lao động trong Công ty.

5. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành

- Hiện tại Ban Kiểm soát chưa phát hiện trường hợp nào thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành & cán bộ quản lý vi phạm pháp luật, điều lệ, quy chế quản trị và các quy định khác của Công ty.

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Điều hành

- Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT; Cử đại diện tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Sự gắn kết và tính công khai, minh bạch thông tin nhìn chung được xuyên suốt trong các hoạt động giữa BKS, HĐQT và Ban Điều hành trong năm.

7. Khuyến nghị của BKS

- HĐQT, BĐH cần quyết tâm thực hiện mục tiêu giảm hàng tồn kho, đặc biệt là tồn kho chậm luân chuyển để khơi thông nguồn vốn, giảm áp lực về ngân lưu.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc tài chính Công ty, đẩy mạnh tiến độ cơ cấu nợ và tiến trình bán nợ, đồng thời tìm kiếm các kênh huy động vốn phù hợp để có thêm nguồn vốn bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chủ động được kế hoạch kinh doanh.
- Công ty cần tiếp tục rà soát, cắt giảm các chi phí ở mức thấp nhất, định mức các khoản chi phí thường xuyên và kiểm soát hiệu quả việc thực hiện, kiểm tra và tiến hành thanh lý các tài sản không còn sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả để cải thiện dòng tiền của Công ty.
- Tiếp tục phát triển mảng công trình và dự án vì mảng này mang lại tỷ suất lợi nhuận tốt hơn xuất khẩu. Mở rộng và phát triển thị trường bán lẻ tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, sau đó là Cần Thơ, Đà Nẵng và các thành phố lớn khác.

QUẢN TRỊ

CÔNG TY



PHẦN 6

QUẢN TRỊ

CÔNG TY

A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Giới thiệu Hội đồng Quản trị



1.1. Chủ tịch HĐQT

Ông Võ Trường Thành

- + Sinh năm 1958, Thạc sỹ QTKD tốt nghiệp tại Hoa Kỳ
- + Có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến gỗ
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 10,04%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 7 đối với công ty con và liên kết, 1 đối với công ty ngoài



1.2. Ủy viên HĐQT:

Ông Tạ Văn Nam

- + Sinh năm 1951, tốt nghiệp Đại học Sư phạm
- + Có gần 16 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành chế biến gỗ
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0,11%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 4 đối với công ty con



1.3. Ủy viên HĐQT:

Ông Võ Diệp Văn Tuấn

- + Sinh năm 1979, Thạc sỹ QTKD của trường Đại học Kaplan của Mỹ, Cử nhân QTKD của trường Đại học Los Angeles, có chứng chỉ Award về Kế toán Tài chính tại UCLA, Mỹ
- + Có hơn 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tại Mỹ và Việt Nam
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0,25%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 7 đối với công ty con và liên kết



1.4. Ủy viên HĐQT:

Ông Đinh Văn Hóa

- + Sinh năm 1962, Cử nhân Đại học Bách Khoa – ngành Kỹ thuật xây dựng
- + Có hơn 25 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành quản lý trong ngành xây dựng
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0,12%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 1 đối với công ty con

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



1.5. Ủy viên HĐQT:

Bà Diệp Thị Thu

- + Sinh năm 1954, Cử nhân Sư phạm
- + Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 3,93%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 3 đối với công ty con



1.6. Ủy viên HĐQT:

Ông Phương Xuân Thủy

- + Sinh năm 1977, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- + Có 3 năm kinh nghiệm trong quản lý điều hành ngành chế biến gỗ, và khoảng 10 năm kinh nghiệm điều hành quản lý trong các ngành khác
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 7,02% (đại diện sở hữu cho Công ty CP XNK và CBG Hưng Thịnh)
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 4 đối với công ty ngoài



**1.7. Ủy viên HĐQT:
Ông Trần Việt Anh**

- + Sinh năm 1978, Cử nhân
- + Có 15 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực tài chính đầu tư
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: ... đối với công ty ngoài



2. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Stt	Tiểu ban	Thành viên
1	Chính sách phát triển	Võ Trường Thành, Phương Xuân Thụy,
2	Nhân sự và Lương thưởng	Trần Việt Anh, Đinh Văn Hóa, Lê Thị Thùy Nga,
3	Tài chính	Võ Diệp Văn Tuấn, Võ Trường Thành, Đào Ngọc Quyết
4	Pháp lý	Phương Xuân Thụy, Tạ Văn Nam, Đinh Văn Hóa, Bùi Thị Kim Tuyền
5	Đối ngoại và tổ chức sự kiện	Diệp Thị Thu, Trần Lê Anh Thư, Đỗ Ngọc Nam

Nguồn: HĐQT của TTF



3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014, HĐQT có họp tập trung 27 lần và trao đổi qua điện thoại nhiều lần để thảo luận và biểu quyết các vấn đề về:

- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2014 và các giải pháp tiếp theo để đạt mục tiêu đã đăng ký.
- Các vấn đề về vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Thông qua việc giảm vốn góp vào Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành – Dak Nông.
- Các giải pháp về thanh lý hàng tồn kho để cải thiện dòng ngân lưu.
- Thông qua chủ trương từ nhiệm khỏi Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Nhân Nghĩa, ông Nguyễn Quang Vinh, bà Ngô Thị Hồng Thu và việc bầu bổ sung ông Trần Việt Anh.
- Thông qua các nội dung sẽ đệ trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.
- Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện hoán đổi cổ phần với Công ty cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành.
- Thông qua tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán và lộ trình phát hành cổ phần cho đợt phát hành cổ phần tăng vốn năm 2014.
- Thông qua danh sách đối tác chiến lược tiềm năng và số lượng cổ phần phân phối dự kiến.
- Thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành và cử người đại diện vốn góp
- Thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện phía Bắc và cử người đứng đầu Văn phòng đại diện
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2015 và đệ trình Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua; thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2015

3.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Hiện tại, trong HĐQT có đến 5 thành viên tham gia điều hành công ty ở vị trí là TGD và PTGD. Vì vậy, hầu như toàn bộ hoạt động của Ban Điều hành đều được giám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT. Mỗi tuần, Ban Điều hành đều có họp với nhau ít nhất là 2 lần: Thứ ba và Thứ năm, để giải quyết các vấn đề khó khăn phát sinh trong Công ty, về tiến độ giao hàng và chất lượng trong sản xuất, đặc biệt là về các giải pháp để cải thiện ngân lưu mà HĐQT đã thông qua trong các cuộc họp. Ngoài ra, Ban Điều hành còn dùng hệ thống Video Conference để họp với các thành viên HĐQT cũng như Ban Điều hành của các công ty con đang ở xa, chẳng hạn ở Dak Lak và Phú Yên

3.3. Nghị quyết đã được HĐQT thông qua trong năm 2013

Có 27 Nghị quyết đã được thông qua. Chi tiết đã được công bố thường xuyên trên trang web của TTF, của Hose, cũng như trong Báo cáo Quản trị năm 2014 ngày 27/1/2015





3.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

HĐQT có 3 thành viên không điều hành trực tiếp trong Công ty là Ông Trần Việt Anh, Ông Phương Xuân Thụy và Bà Diệp Thị Thu. Tuy nhiên, ông Phương Xuân Thụy là đại diện sở hữu của cổ đông lớn và bà Diệp Thị Thu vừa là cổ đông lớn của công ty vừa tham gia điều hành các công ty con, chỉ có Ông Trần Việt Anh là thành viên độc lập. Trong năm 2014, Ông Trần Việt Anh - thành viên HĐQT độc lập - đã tập trung rà soát tình hình tài chính của TTF, đưa ra nhiều đề xuất về vốn vay – tái cơ cấu tài chính – quan hệ ngân hàng. .

3.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Các tiểu ban có họp và bàn luận nhiều lần trong năm, phần lớn là bàn về các giải pháp để cải thiện nhanh chóng dòng ngân lưu và các phương án tái cơ cấu tài chính của TTF. Song song đó, tiểu ban nhân sự và lương thưởng cũng đã tích cực chỉ đạo việc tinh giảm nhân sự để tiết giảm chi phí quản lý, đào tạo để nâng cao kỹ năng làm việc của nhân sự còn lại nhằm gánh vác công việc nhiều hơn trong lúc tình hình nhân sự bị giảm đáng kể

3.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Trong thời gian qua, do bận rộn để giải quyết các vấn đề cấp bách trong Công ty, HĐQT của Công ty đã chưa tham gia và có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty dành cho các cán bộ quản lý công ty cổ phần đại chúng. Tuy nhiên, tất cả các thành viên HĐQT đều tìm đọc và áp dụng các nguyên tắc về cơ cấu tổ chức của công ty đại chúng, các nguyên tắc về nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT cũng như của Ban Điều hành, các nguyên tắc về quyền của cổ đông và thực hiện Đại hội Cổ đông, các nguyên tắc về minh bạch và công bố thông tin ... mà Luật chứng khoán quy định cũng như các Thông tư – Nghị định liên quan đã ban hành

B. BAN KIỂM SOÁT

1. Giới thiệu Ban Kiểm soát



1.1. Trưởng Ban Kiểm soát **Bà Bùi Thị Kim Tuyền**

- + Sinh năm 1983, cử nhân Tài chính - Ngân hàng; cử nhân Luật
- + Có hơn 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư - ngân hàng;
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0%



1.2. Ủy viên Ban Kiểm soát **Ông Hoàng Anh Tú**

- + Sinh năm 1979, Cử nhân Kinh tế
- + Có hơn 12 năm kinh nghiệm trong nghiệp vụ kế toán
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0%



1.3. Ủy viên Ban Kiểm soát **Bà Trần Lâm Thuý Quyên**

- + Sinh năm 1981, Thạc sỹ Kinh tế Tài chính
- + Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và trợ lý cho lãnh đạo cấp cao
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0%

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Với vai trò giám sát tình hình hoạt động đặc biệt là công tác tài chính, trong năm 2014 Ban Kiểm Soát đã họp định kỳ 6 tháng một lần và thường xuyên trao đổi thông tin qua email, điện thoại để kịp thời nắm bắt các hoạt động của Công ty.

Các hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2014:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.
- Tham gia góp ý kiến và đưa ra các kiến nghị đối với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm 2014.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đối với HĐQT

và Ban Tổng Giám Đốc.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật.
- Kiểm soát tài chính: Phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ và đơn vị kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp lệ trong việc ghi chép sổ sách kế toán và lập các báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Tìm hiểu các vấn đề phát sinh trong quá trình soát xét và kiểm toán BCTC.

Ngoài ra BKS cũng thường xuyên theo dõi các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, các thông tin bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

C. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

1.1. Hội đồng Quản trị:

Thù lao của HĐQT năm 2014 như sau (theo phê chuẩn của ĐHĐCĐ năm 2014):

HĐQT là 592 triệu đồng (Chủ tịch 100 triệu/năm, Thành viên 72 triệu/năm).

Ngoài ra, HĐQT không có các khoản lợi ích nào khác trong năm 2014.

1.2. Ban Điều hành

STT	Tên - Chức danh	Mức lương (VNĐ/năm)	Ghi chú
1	Võ Trường Thành - TGD	1,200,000,000	
2	Tạ Văn Nam - PTGD	780,000,000	
3	Ngô Thị Hồng Thu - PTGD	430,200,000	6 tháng (từ tháng 1-6/2014)
4	Võ Diệp Văn Tuấn - PTGD	564,000,000	
5	Lê Minh Ngọc - PTGD	544,000,000	
6	Đình Văn Hóa - PTGD	432,000,000	
7	Đào Ngọc Quyết- KTT	420,000,000	

Ngoài mức lương như trên, Ban Điều hành không có khoản lợi ích nào khác so với CBCVN trong Công ty

1.3. Ban Kiểm soát

TT	Tên - Chức danh	Mức thù lao (VNĐ/năm)
1		60.000.000
2	Bùi Thị Kim Tuyền – Trưởng ban	24.000.000
3	Trần Lâm Thúy Quyên – Thành viên	24.000.000

Ngoài thù lao trên, BKS không có các khoản lợi ích nào khác trong năm 2014. Và trong năm 2014, BKS cũng chưa nhận khoản thù lao trên do ưu tiên tiền cho những hoạt động sản xuất kinh doanh cần thiết



2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2013, có giao dịch cổ phiếu của những cổ đông nội bộ như sau:

Cổ đông nội bộ	Số CP trước khi giao dịch	Số CP đã mua trong 2014	Số CP đã bán trong 2014	Số CP sau khi giao dịch
Võ Trường Thành (CT-HĐQT)	9.977.568	3 65.000	0	10.042.568
Tạ Văn Nam (UV-HĐQT)	191.280	60.000	0	131.280
Ngô Thị Hồng Thu (UV-HĐQT)	346.961	0	306.960	40.001
Quỹ Đầu tư Việt Nam (Cổ đông lớn)	6.010.978	0	6.010.970	8

Nguồn: Thông tin đăng tải trên trang website của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM năm 2014

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Ngày 12/12/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM có công văn nhắc nhở việc chậm Công bố thông tin báo cáo kết quả phát hành và chậm nộp hồ sơ đăng ký thay đổi niêm yết. Ngoài vấn đề nêu trên, Công ty đã thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty trong năm 2014

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2014



CÔNG TY KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
DFK VIETNAM AUDITING COMPANY

Office in Ho Chi Minh City
No. 38/8 Lam Son, Tan Binh District T. 848 6296 8684
No. 426 Cao Thang, District 10 T. 848 3868 3306
Office in Hanoi Level 25, M3M4 Building, 91 Nguyen Chi
Thanh, Dong Da T. 844 6266 3006 www.dfk.com.vn

Số: 121/BCKTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH*

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh

nh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

813,000			
453,000	+9.1		
236,000	+6.6		10.9
217,000	+1.5		6.1
261,000	+12.9		3.2
236,000	+34.7		2.9
189,000	-1.9		3.5
124,000	-3.1		3.2
			2.5

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và các công ty con tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

NGUYỄN LƯƠNG NHÂN
 Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0182-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LÊ ĐÌNH HUYỀN
 Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1756-2013-042-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
NGÀY 31/12/2014
 Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,254,991,188,370	2,786,452,860,182
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	85,895,452,344	65,513,443,900
1. Tiền	111		48,975,452,344	27,393,443,900
2. Các khoản tương đương tiền	112		36,920,000,000	38,120,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41,088,064,000	51,548,700,012
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	41,088,064,000	51,548,700,012
III. Các khoản phải thu	130	V.03	705,417,529,366	390,023,029,967
1. Phải thu khách hàng	131		596,802,950,966	273,661,750,405
2. Trả trước cho người bán	132		72,166,880,512	60,285,374,811
3. Các khoản phải thu khác	135		63,189,050,010	67,050,144,077
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(26,741,352,122)	(10,974,239,326)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	2,365,243,674,783	2,245,347,148,559
1. Hàng tồn kho	141		2,375,663,707,065	2,255,053,754,553
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10,420,032,282)	(9,706,605,994)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	57,346,467,876	34,020,537,743
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,780,084,194	1,582,734,690
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36,747,746,898	1,231,710,867
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		1,956,145,576	14,258,800,471
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16,862,491,208	16,947,291,715



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
NGÀY 31/12/2014 (TIẾP THEO)
Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		757,582,924,872	731,584,077,916
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		505,156,511,795	514,607,366,691
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	365,158,734,518	390,259,605,640
- Nguyên giá	222		556,475,248,069	550,447,363,422
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(191,316,513,551)	(160,187,757,782)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	25,065,626,422	43,035,543,420
- Nguyên giá	228		30,373,729,374	50,080,622,274
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,308,102,952)	(7,045,078,854)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	114,932,150,855	81,312,217,632
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	186,451,608,838	169,624,510,245
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		91,088,483,336	93,936,384,743
2. Đầu tư dài hạn khác	258		95,467,364,766	88,019,084,766
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(104,239,264)	(12,330,959,264)
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	65,974,804,241	47,352,200,980
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		58,875,084,787	44,608,518,942
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5,949,719,454	1,533,682,038
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,150,000,000	1,210,000,000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,012,574,113,242	3,518,036,938,097

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

NGÀY 31/12/2014 (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,762,099,347,514	2,570,447,529,029
I. Nợ ngắn hạn	310		2,628,750,528,762	2,418,235,135,024
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	1,858,302,549,797	1,859,156,824,212
2. Phải trả người bán	312	V.12	206,920,358,256	119,146,259,513
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	60,714,944,058	48,770,457,639
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	99,704,786,770	56,404,664,722
5. Phải trả người lao động	315	V.14	32,528,473,144	24,262,186,026
6. Chi phí phải trả	316	V.15	173,549,327,932	175,559,423,906
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	205,796,946,749	134,728,452,790
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	(8,766,857,945)	206,866,216
II. Nợ dài hạn	330	V.18	133,348,818,753	152,212,394,005
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000,000	1,000,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	334		97,890,750,000	122,553,837,435
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		34,458,068,753	28,658,556,570
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	1,155,945,108,898	851,318,854,224
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,155,945,108,898	851,318,854,224
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,671,000,000	735,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67,654,726,763	99,062,086,763
3. Cổ phiếu quỹ	414		(420,631,294)	(420,631,294)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		10,633,606,960	10,494,752,650
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,767,885,040	3,767,885,040
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8,963,110	8,963,110
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		73,629,558,320	3,405,797,956
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		94,529,656,830	96,270,554,844
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,012,574,113,242	3,518,036,938,097

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

NGÀY 31/12/2014 (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	12,568,966,689	12,506,259,940
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	2,687,182,707	2,687,182,707
5. Ngoại tệ các loại	-	-
+ USD	27,233.45	70,603.68
+ EUR	616.29	636.88
+ GBP	-	45.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU**ĐỖ NGỌC NAM****KẾ TOÁN TRƯỞNG****ĐÀO NGỌC QUYẾT****TỔNG GIÁM ĐỐC****VÕ TRƯỜNG THÀNH**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1,461,989,162,084	1,550,346,175,020
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		3,256,043,778	5,035,164,253
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	1,458,733,118,306	1,545,311,010,767
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1,182,583,860,600	1,240,571,939,664
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		276,149,257,706	304,739,071,103
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	16,228,103,111	8,919,730,691
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	63,495,415,556	219,173,150,254
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		151,979,159,742	206,691,860,487
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	20,438,552,655	12,623,878,406
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	103,772,903,223	77,590,857,879
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		104,670,489,383	4,270,915,255
11. Thu nhập khác	31	VI.07	7,462,136,612	21,620,158,453
12. Chi phí khác	32	VI.08	25,098,426,446	28,798,483,456
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		(17,636,289,834)	(7,178,325,003)
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			(2,108,947,107)	(1,265,226,440)
15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		84,925,252,442	(4,172,636,188)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		22,157,240,338	1,128,107,698
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(4,416,037,416)	(607,619,448)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67,184,049,520	(4,693,124,438)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:				
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số			(3,435,898,015)	(8,562,489,059)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			70,619,947,535	3,869,364,621
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	VI.09	911	76

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	84,508,689,513	(4,172,636,188)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	34,713,124,792	36,047,563,140
Các khoản dự phòng	03	4,253,819,084	4,379,912,324
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5,235,877,002	(7,077,782,200)
Chi phí lãi vay	06	151,979,159,742	206,691,860,487
Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	280,690,670,134	235,868,917,562
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(366,171,327,444)	156,205,121,752
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(120,609,952,512)	(310,542,936,178)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(448,435,564,120)	(167,474,004,088)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	17,421,632,627	6,356,906,672
Tiền lãi vay đã trả	13	(15,554,154,050)	(118,002,086,047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(1,444,952,524)	1,481,178,321
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(18,464,288)	(4,650,392,115)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(654,122,112,177)	(200,757,294,120)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(57,147,817,870)	(13,840,652,320)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	5,507,277,417
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12,421,416,000)	(45,292,572,235)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22,882,052,012	200,000,000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12,717,420,000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,807,297,292	2,427,575,889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24,162,464,566)	(50,998,371,249)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	234,263,640,000	170,631,970,000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	751,488,787,464	1,286,071,954,084
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(268,288,650,887)	(1,145,753,221,284)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	717,463,776,577	310,950,702,800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	39,179,199,834	59,195,037,431
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	65,513,443,900	6,318,406,469
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	104,692,643,734	65,513,443,900

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐỖ NGỌC NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐÀO NGỌC QUYẾT

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH



THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT 2014

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014)

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 20/5/2014 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

* Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần

2. Tên giao dịch và trụ sở:

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: **Truong Thanh Furniture Corporation**

Tên viết tắt: **TTFC**.

Trụ sở chính đặt tại: Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

3. Lĩnh vực kinh doanh: Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.

4. Ngành nghề kinh doanh :

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn sản phẩm mộc;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn sản phẩm nông lâm sản;
- Bán buôn phân bón.



5. Danh sách các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

• Công ty con

TT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
<i>Công ty con trực tiếp</i>					
1.	Công ty CP Trường Thành (Đaklak 1)	Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	30,000,000,000	70%	70%
2.	Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Đaklak 2)	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	28,000,000,000	70%	70%
3.	Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	KP 7, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126,239,000,000	64%	64%
4.	Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	KP 4, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56,470,000,000	51%	100%
5.	Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	60,000,000,000	99%	100%
6.	Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	53,191,490,000	41%	46%
7.	Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	40,000,000,000	60%	60%
8.	Công ty CP Trường Thành Xanh	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100,000,000,000	60%	100%
9.	Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Đào Trinh Nhất, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	25,000,000,000	46%	98%
10.	Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông	204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăknông	60,000,000,000	96%	99%
11.	Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đăknông	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	50,000,000,000	98%	95%
12.	Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Cụm công nghiệp M'Đăk, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk	10,000,000,000		95%



TT	Tên Công ty con <i>Công ty con gián tiếp</i>	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
1.	Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	xã Hòa Tiến, huyện Krong Pắc, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50%	85%
2.	Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	107 Lê Duẩn, khối 04, thị trấn Phước An, huyện Krong Pắc, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50%	52%

TT	Tên Công ty con <i>Công ty liên kết, liên doanh</i>	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
1.	Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6,500,000,000	23%	44%
2.	Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51%	51%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và các Công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo

kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

3. Đầu tư vào công ty liên doanh

Liên doanh là thoả thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng các khoản đầu

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

► *Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.*

► *Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.*

8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản

nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



10. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

► Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

► Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào... và lò sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

► NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	05 - 30 NĂM
► MÁY MÓC THIẾT BỊ	04 - 20 NĂM
► PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	06 - 14 NĂM
► THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	03 - 10 NĂM
► PHẦN MỀM TIN HỌC	05 - 20 NĂM

► Quyền sử dụng đất

Đối với quyền sử dụng đất không thời hạn: Công ty không tính khấu hao

Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng cụ thể được ghi trên từng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.



11. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- ▶ **Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;**
- ▶ **Chi phí sửa chữa lớn;**
- ▶ **Quyền sử dụng đất;**
- ▶ **Chi phí khác chờ phân bổ.**

12. Chi phí trả trước

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- ▶ **Có thời hạn thanh toán không quá 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.**
- ▶ **Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.**

13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo Quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

15. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

19. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

20. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

21. Thuế

► Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

► Công ty CP Nông Lâm Công nghiệp Trường An được hưởng thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

► Công ty CP Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

► Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành - Phước An được hưởng thuế suất là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.



► Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

► Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

► Công ty CP Trường Thành Xanh (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

► Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

▶ Công ty CP TM XNK Trường Thành Đak Nông được thành lập tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

▶ Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrắk được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

▶ Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

▶ Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

■ Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

■ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp về việc quyền phát triển có được xem là chi phí cho mục đích tính thuế, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản thu nhập chưa thực hiện khi hợp nhất liên quan đến khoản vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt		590,687,146	348,765,895
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	(1.1)	46,810,157,118	24,756,392,195
Tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ		598,303,080	1,518,285,810
Tiền đang chuyển		976,305,000	770,000,000
Các khoản tương đương tiền	(1.2)	36,920,000,000	38,120,000,000
Cộng		85,895,452,344	65,513,443,900

(1.1) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng với số tiền 40 tỷ đồng đang được Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (VIB) giữ tại tài khoản phong tỏa để hoàn tất các thủ tục thu hồi nợ tương ứng.

(1.2) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 4% đến 4,5%/năm. Các hợp đồng tiền gửi này đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.

2. Đầu tư ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các nhân viên Công ty		280,000,000	290,000,000
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các tổ chức	(*)	8,661,064,000	51,258,700,012
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (lãi suất 8%/năm)		12,147,000,000	-
Cộng		41,088,064,000	51,548,700,012

(*) Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương		300,000,000	300,000,000
Công ty TNHH XD Đồng Long		5,048,576,000	4,000,000,000
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji		23,312,488,000	7,158,700,012
Công ty Cổ phần Vũ Tuấn		-	39,800,000,000
Cộng		28,661,064,000	51,258,700,012

3. Các khoản phải thu ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	(3.1)	596,802,950,966	273,661,750,405
Trả trước cho người bán		72,166,880,512	60,285,374,811
Phải thu khác	(3.2)	63,189,050,010	67,050,144,077
Cộng		732,158,881,488	400,997,269,293
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.3)	(26,741,352,122)	(10,974,239,326)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		705,417,529,366	390,023,029,967

(3.1) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng gốc ngoại tệ là 15,230,886.95 USD tương đương 322.369.359.784 đồng.

(3.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu liên quan đến lợi nhuận được chia	990,100,000	2,282,580,000
Khoản phải thu từ việc thu hồi vốn đầu tư	-	12,717,420,000
Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi	3,505,685,442	332,021,241
Các khoản cho mượn vật tư	-	660,160,240
Phải thu gốc và lãi cho vay đối với Công ty Tân Phát (*)	23,417,675,770	23,417,675,770
Phải thu khoản cho mượn, không lãi suất	13,226,937,773	2,041,345,049
Phải thu các bên liên quan của các công ty con	7,921,069,324	24,575,609,339
Phải thu khoản thuế GTGT tương ứng doanh thu chưa xuất hóa đơn	2,651,469,848	-
Phải thu nhân viên liên quan đến khoản bồi thường thiệt hại	1,227,194,893	-
Diện tích rừng chết tại huyện Sông Hinh và huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên chờ xử lý	5,642,997,585	-
Và các khoản phải thu khác	4,605,919,375	1,023,332,438
Cộng	63,189,050,010	67,050,144,077

(*) Theo quyết định số 59/QĐ-CTHADS ngày 05/9/2013 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk yêu cầu Công ty TNHH XD&TM Tân Phát trả cho Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành số tiền 23.417.675.770 đồng; Theo Công văn số 53/CTHADS-NV ngày 25/10/2012 của Cục

trường cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk đề nghị Chánh án tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm Soát Nhân dân tối cao kháng nghị bản án số 46/2010/KDTM-PT ngày 21/9/2010 của tòa án Nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

(3.3) Dự phòng phải thu khó đòi:

Số dư dự phòng phải thu khó đòi đầu năm	(10,974,239,326)
Số trích lập trong năm	(15,767,112,796)
Số hoàn nhập trong năm	-
Số dư dự phòng phải thu khó đòi cuối năm	(26,741,352,122)

4. Hàng tồn kho**Số cuối năm****Số đầu năm**

Hàng mua đang đi đường	3,799,985,585	16,196,652,205
Nguyên vật liệu, phụ liệu	1,331,707,466,061	1,108,867,598,192
Công cụ, dụng cụ	1,109,718,210	188,809,465,680
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	828,405,846,050	739,184,327,591
Thành phẩm	91,268,009,999	159,716,942,063
Hàng hoá	104,224,388,571	31,168,149,332
Hàng gửi bán	15,148,292,589	11,110,619,491
Cộng	2,375,663,707,065	2,255,053,754,553
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(10,420,032,282)	(9,706,605,994)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	2,365,243,674,783	2,245,347,148,559

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối năm (31/12/2014) đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	(9,706,605,994)
Số trích lập trong năm	(713,426,288)
Số hoàn nhập trong năm	-
Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	(10,420,032,282)

5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,780,084,194	1,582,734,690
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	36,747,746,898	1,231,710,867
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1,956,145,576	14,258,800,471
Tài sản ngắn hạn khác (*)	16,862,491,208	16,947,291,715
Cộng	57,346,467,876	34,020,537,743

(*) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	585,022	585,022
Các khoản tạm ứng	12,701,485,341	14,330,078,416
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)	4,160,420,845	2,616,628,277
Cộng	16,862,491,208	16,947,291,715

() Trong đó, bao gồm 4,020.00 USD tương đương 85.923.480 đồng và 127,860.00 EUR tương đương 3.271.538.160 đồng.**



Bộ Siêu bền - Siêu nhẹ

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý & TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	244,948,006,157	277,758,380,887	23,239,610,737	4,501,365,641	550,447,363,422
Tăng	3,237,605,415	3,222,071,614	208,000,000	230,442,500	6,898,119,529
Giảm	-	870,234,882	-	-	870,234,882
Số dư cuối năm	248,185,611,572	280,110,217,619	23,447,610,737	4,731,808,141	556,475,248,069
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	68,387,319,644	76,021,087,649	12,505,564,236	3,273,786,253	160,187,757,782
Tăng	10,820,364,824	17,642,367,539	2,571,491,729	419,325,330	31,453,549,422
Giảm	-	324,793,653	-	-	324,793,653
Số dư cuối năm	79,207,684,468	93,338,661,535	15,077,055,965	3,693,111,583	191,316,513,551
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	176,560,686,513	201,737,293,238	10,734,046,501	1,227,579,388	390,259,605,640
Số dư cuối năm	168,977,927,104	186,771,556,084	8,370,554,772	1,038,696,558	365,158,734,518

TSCĐ tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành chuyển sang; giảm do thanh lý, nhượng bán

Tài sản cố định đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

7. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm Website	Cộng
Số dư đầu năm	43,921,524,900	6,159,097,374	50,080,622,274
Tăng	17,500,000,000	-	17,500,000,000
Giảm	37,206,892,900	-	37,206,892,900
Số dư cuối năm (*)	24,214,632,000	6,159,097,374	30,373,729,374
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4,994,384,191	2,050,694,663	7,045,078,854
Tăng	3,247,521,477	336,847,546	3,584,369,023
Giảm	5,321,344,925	-	5,321,344,925
Số dư cuối năm	2,920,560,743	2,387,542,209	5,308,102,952
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	38,927,140,709	4,108,402,711	43,035,543,420
Số dư cuối năm	21,294,071,257	3,771,555,165	25,065,626,422

Tài sản cố định vô hình tăng do phân loại từ chi phí trả trước dài hạn sang; giảm trong năm do phân loại sang chi phí trả trước dài hạn.

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá
Quyền sử dụng đất số T00405: tọa lạc tại phường Thống Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	175.20	lâu dài	5,256,000,000
Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Thôn 1, xã EaRai, huyện Ea H'leo, Đắk Lắk	14,884.00	lâu dài	1,458,632,000
Giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	3,770,000.00	42 năm từ năm 2008 đến năm 2049	17,500,000,000
Cộng			24,214,632,000

Tính đến ngày 31/12/2014, toàn bộ Quyền sử dụng đất của Công ty đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m ² đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	32,500,000,000	32,500,000,000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	-	828,300,000
Lô đất (250 m2) có thời gian sử dụng lâu dài tại quốc lộ 14, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và 08 lô đất khác tại Đắk Lắk	843,700,000	843,700,000
Chi phí xây dựng 02 nhà kho tại Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	37,482,166,672	37,377,856,346
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, đường nội bộ,... chưa hoàn thành	36,037,016,572	
Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định khác	8,069,267,611	9,762,361,286
Cộng	114,932,150,855	81,312,217,632

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(9.1)	91,088,483,336	93,936,384,743
Đầu tư dài hạn khác	(9.2)	95,467,364,766	88,019,084,766
Cộng		186,555,848,102	181,955,469,509
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(9.3)	(104,239,264)	(12,330,959,264)
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn		186,451,608,838	169,624,510,245

(9.1) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế 31/12/2014
Tên các công ty liên kết, liên doanh				
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	7,018,000.00 USD	51%	(*)	94,191,518,700
Công ty CP Bao bì Trường Thành	6,500,000,000	23%		2,000,000,000
Cộng				96,191,518,700
<i>Khoản tổn thất phát sinh tại Công ty liên kết, liên doanh</i>				<i>(5,103,035,364)</i>
Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của các Công ty liên kết, liên doanh				91,088,483,336

(*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty CP Tập đoàn OJI (Nhật Bản).

Theo đó, Công ty đã góp 170,400.00 USD bằng tiền, và 3,408,600.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 ha thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên và giá trị 1.520,06 ha rừng trồng trị giá 18.993.149.700 đồng.



(9.2) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:

(9.2.1) Khoản đầu tư vào các công ty:	Số lượng cổ phần sở hữu	Đơn giá	Giá trị đầu tư 31/12/2014
Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28,960	9,661	279,784,766
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt (*)	173	100,000,000	17,282,580,000
Công ty CP Phú Hữu Gia	5,268,000	10,000	52,680,000,000
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	555,000	10,000	5,550,000,000
Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành			675,000,000
Cộng			76,467,364,766
(9.2.2) Các khoản đầu tư tài chính khác:			
Cho vay đến Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo		(*)	19,000,000,000
Tổng cộng đầu tư tài chính dài hạn khác (9.2)			95,467,364,766

(*) Khoản cho vay đến Công ty Cổ phần Quản lý Cụm CN Trường Thành - Ea h'leo theo hợp đồng cho vay số 01/2008/HĐVV TTDL3-TTDL1 ngày 20/12/2008 với số tiền cho vay là 19.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 72 tháng; lãi suất cho vay: 14%/năm.

(9.3) Các khoản dự phòng đầu tư mua cổ phiếu và chứng từ có giá

Khoản đầu tư vào	Trị giá đầu tư	Số lượng cổ phần	Đơn giá bình quân	Dự phòng
Công ty CP Lidovit	279,784,766	28,960	9,661	-
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt	17,282,580,000	173	100,000,000	-
Công ty CP Phú Hữu Gia	52,680,000,000	5,268,000	10,000	-
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5,550,000,000	555,000	10,000	(104,239,264)
Cộng				(104,239,264)

10. Tài sản dài hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	(10.1)	58,875,084,787	44,608,518,942
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		5,949,719,454	1,533,682,038
Tài sản dài hạn khác	(10.2)	1,150,000,000	1,210,000,000
Cộng		65,974,804,241	47,352,200,980

(10.1) Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ		4,846,065,744	6,274,154,883
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ	(*)	53,234,306,288	37,282,482,716
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ		494,420,947	667,395,188
Phí đánh giá tác động môi trường		288,346,866	288,346,866
Chi phí chờ phân bổ khác		11,944,942	96,139,290
Cộng		58,875,084,787	44,608,518,943

(*) Bao gồm:

► Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 001/HĐTĐ-CCN ngày 27/01/2011 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 26.405,5 m² tọa lạc tại Lô A thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống điện... nhằm mục đích xây dựng nhà xưởng để sản xuất với giá thuê lại đất là 40.5 USD/m² (đã bao gồm thuế GTGT 10 % nhưng chưa bao gồm phí quản lý là 0,06 USD/m²/tháng) trong vòng 50 năm kể từ ngày 27/01/2011. Khoản chi phí này là khoản tiền Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương tương đương với 100% giá trị hợp đồng. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 18.936.230.680 đồng.

(*) Bao gồm: (Tiếp theo)

► Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/11/2059 tại thửa đất số 905 thuộc tờ khai bản đồ số 16/4 tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương có diện tích là 4.417 m² theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009 với giá nhận chuyển nhượng là 2.663.451.000 đồng. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 2.343.881.050 đồng.

► Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với diện tích là 120.478,5 m², thời hạn thuê đến tháng 6 năm 2054. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 31.112.216.329 đồng.

► Quyền sử dụng đất có thời hạn tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk đến tháng 8/2059. Giá trị còn lại tại 31/12/2014 là 457.852.896 đồng.

► Khoản chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng để nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm tại thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 384.125.333 đồng.

Các quyền sử dụng đất này đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

(10.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ký quỹ đầu tư dự án trồng rừng kinh tế theo công văn số 2135/CV-STC ngày 27/6/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên	400,000,000	400,000,000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	750,000,000	810,000,000
Cộng	1,150,000,000	1,210,000,000

11. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ các Ngân hàng	(11.1) 1,797,774,494,777	1,716,239,015,019
Vay từ các Tổ chức	(11.2) 38,936,205,020	38,165,205,020
Vay từ các Cá nhân	(11.3) 300,000,000	4,100,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	(18.1*) 21,291,850,000	100,652,604,173
Cộng	1,858,302,549,797	1,859,156,824,212

(11.1) Vay từ các Ngân hàng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014	USD	Tương đương VND
Vay bằng VND	29,318,585.99	1,171,294,949,343
Vay bằng USD		626,479,545,434
Cộng		1,797,774,494,777

Tất cả các khoản vay từ các ngân hàng với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán tiền mua gỗ nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C, D/P và D/A. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của Ông Võ Trường Thành, hàng hoá tồn kho luân chuyển, các tài sản cố định

thuộc quyền sở hữu của Công ty, các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 31/12/2014, lãi suất các khoản vay từ các ngân hàng dao động từ 12% đến 14,5%/năm đối với khoản vay bằng VND và dao động từ 2,5% đến 5%/năm đối với khoản vay bằng ngoại tệ (USD).

(11.2) Vay từ các tổ chức	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Phú Hữu Gia	33,645,205,020	33,645,205,020
Công ty CP Vận tải Vũ Thành	4,000,000,000	4,000,000,000
Công ty Vũ Tuấn	991,000,000	-
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	300,000,000	300,000,000
Công ty TNHH MTV Ô tô Tấn Phát Đăk Nông	-	220,000,000
Cộng	38,936,205,020	38,165,205,020

Tại thời điểm 31/12/2014, lãi suất tiền vay từ các tổ chức khác từ 12% - 15%/năm. Các khoản vay này là vay tín chấp.

(11.3) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay từ Ông Võ Diệp Văn Tuấn	-	1,600,000,000
Vay từ Ông Võ Trường Thành	300,000,000	-
Vay từ Bà Diệp Thị Thu	-	1,850,000,000
Vay từ Bà Võ Diệp Cẩm Vân	-	650,000,000
Cộng	300,000,000	4,100,000,000

12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán (*)	206,920,358,256	119,146,259,513
Người mua trả tiền trước	60,714,944,058	48,770,457,639
Cộng	267,635,302,314	167,916,717,152

() Trong đó, bao gồm khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ là 2,143.63 USD tương đương 45.817.916 đồng.*

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	67,007,163,337	41,175,170,691
Thuế TNDN phải nộp	28,564,577,782	10,548,530,518
Thuế TNCN phải nộp	3,766,236,019	4,553,342,436
Các loại thuế khác	366,809,632	127,621,077
Cộng	99,704,786,770	56,404,664,722

14. Phải trả người lao động	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản lương phải trả người lao động	32,528,473,144	24,262,186,026

15. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay còn phải trả bằng VND	134,595,277,086	161,594,716,535
Chi phí lãi vay còn phải trả bằng ngoại tệ	28,765,580,232	13,156,525,724
Chi phí khai thác rừng Quảng Khuê phải trả	8,141,878,500	-
Chi phí phải trả khác	2,046,592,114	808,181,647
Cộng	173,549,327,932	175,559,423,906



16. Các khoản phải trả, phải nộp khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	973,244,368	872,304,976
Kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm bắt buộc và lãi chậm nộp bảo hiểm còn phải nộp	74,227,180,255	51,919,302,923
Các khoản tiền mượn thanh toán, không lãi suất	95,704,635,384	70,149,435,556
Phải trả các bên liên quan	15,470,428,306	3,871,961,550
Cổ tức còn phải trả	963,790,800	963,790,800
Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	2,440,973,622	2,454,973,622
Khoản phải trả liên quan đến phạt chậm nộp thuế	12,619,980,233	1,677,390,826
Và các khoản phải trả khác	3,396,713,782	2,819,292,537
Cộng	205,796,946,749	134,728,452,790

17. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	
Quỹ Khen thưởng Phúc lợi đầu năm	206,866,216
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	277,708,620
Chi thưởng trong năm	(9,251,432,781)
Số dư cuối năm	(8,766,857,945)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi có số dư âm cuối năm là do chờ Quyết định trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 từ HĐQT và ĐHĐCĐ.

18. Nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác (nhận đặt cọc tiền cho thuê mặt bằng)	1,000,000,000	1,000,000,000
Vay và nợ dài hạn (18.1)	97,890,750,000	122,553,837,435
Doanh thu chưa thực hiện (18.2)	34,458,068,753	28,658,556,570
Cộng	133,348,818,753	152,212,394,005

(18.1) Số dư khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2014	Số cuối năm
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	78,338,600,000
NH TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Dương	40,000,000,000
NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Buôn Mê Thuột	844,000,000
Cộng vay dài hạn	119,182,600,000
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(21,291,850,000)
Cộng vay và nợ dài hạn	97,890,750,000

Vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk:

► Theo Hợp đồng dự án đầu tư phát triển số 2012/2708/NMT/TTF/HĐTD ngày 27/8/2012 với số tiền là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích vay là đầu tư trồng, chăm sóc và khai thác rừng nguyên liệu và cao su liên kết tại huyện Krong Păk, tỉnh Đắk Lắk. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 14,6%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là 21.490.750.000 đồng. Trong đó, bao gồm nợ dài hạn đến hạn trả là 2 tỷ đồng.

► Theo hợp đồng số 12/01/CPLNTT/NG/HĐTG ngày 27/8/2012 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; mục đích vay: bù đắp một phần chi phí đã chi và chi phí đầu tư mới phục vụ thực hiện dự án tổng thể đầu tư trồng, cải tạo và khai thác 3.162,8 ha rừng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Đăklăk; thời hạn vay: 84 tháng (thời gian ân hạn: 12 tháng); Nợ gốc được trả theo thời gian được quy định trong hợp đồng; lãi suất vay được điều chỉnh theo thông báo từ Ngân hàng cho từng thời kỳ và được trả lãi hàng quý (lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 10,6%/năm). Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay với

giá trị đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/CPLNTT/NG/HĐTC ngày 27/8/2012 là 99.634.000.000 đồng và giá trị gia tăng theo quá trình đầu tư còn lại. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là 52.400.000.000 đồng. Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 10.000.000.000 đồng.

► Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 08/51/VN/NHNT ngày 15/12/2008 với số tiền là 10 tỷ đồng; Hạn trả nợ đợt cuối là ngày 15/12/2013; Mục đích sử dụng nhằm đầu tư xây dựng nhà máy gạch tuynel; Lãi suất vay 1,2%/tháng; Tài sản đảm bảo nợ vay là dây chuyền sản xuất gạch tuynel nhãn hiệu Handle theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTC ngày 15/12/2008; Tài sản hình thành sau đầu tư (toàn bộ nhà xưởng, nhà máy sản xuất gạch nung), quyền sử dụng đất thửa đất rộng 6,1 ha tại tiểu khu 960 thuộc lâm phần của Công ty Lâm nghiệp Phước An theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTC.SĐT ngày 15/12/2008 và hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 08/51/NV/HĐBL ngày 15/12/2008 của Công ty CP Trường Thành. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là 4.447.850.000 đồng và cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả. Số dư này đã quá hạn thanh toán.

Vay từ Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 2048/14/HĐTD/0100-2674 ngày 10/12/2014 với số tiền vay là 40 tỷ đồng. Mục đích vay: đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, sửa chữa nhà xưởng. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 10,89%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là Nguyên liệu gỗ Teak và thành phẩm tồn kho theo Hợp đồng cầm cố hàng hóa số 2047/14/HĐCC-HH/0100/2674 ngày 10/12/2014 với tổng giá trị là 144.397.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là 40.000.000.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 4 tỷ đồng.

Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN TP.Buôn Ma Thuột theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LAV201000226 ngày 03/2/2010 với hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng nhằm đầu tư xây dựng văn phòng, nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh và vườn ươm cây giống lâm nghiệp. Lãi suất tại ngày 31/12/2014 là 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218 xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đaklak (giá trị đảm bảo là 6.340.000.000 đồng). Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là 844.000.000 đồng, đã quá hạn thanh toán.

(18.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp và phần chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	34,410,523,298	28,459,240,342
Doanh thu chưa thực hiện khác	47,545,455	199,316,228
Cộng	34,458,068,753	28,658,556,570

19. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	735,000,000,000	265,671,000,000	-	1,000,671,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	99,062,086,763	-	31,407,360,000	67,654,726,763
Cổ phiếu quỹ	(420,631,294)	-	-	(420,631,294)
Quỹ đầu tư phát triển	10,494,752,650	138,854,310	-	10,633,606,960
Quỹ dự phòng tài chính	3,767,885,040	-	-	3,767,885,040
Quỹ khác thuộc CSH	8,963,110	-	-	8,963,110
Lợi nhuận chưa phân phối	3,405,797,956	70,619,947,535	396,187,171	73,629,558,320
Cộng	851,318,854,224	336,429,801,845	31,803,547,171	1,155,945,108,898

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	100,067,100	73,500,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	100,067,100	73,500,000
• Cổ phiếu thường	100,067,100	73,500,000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	(16,564)	(16,564)
• Cổ phiếu thường	(16,564)	(16,564)
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100,050,536	73,483,436
• Cổ phiếu thường	100,050,536	73,483,436
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**Mệnh giá cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000 đồng/cổ phần.
Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.**

(a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu đã tăng trong năm do:	Theo mệnh giá	Theo giá bán thực tế
Phát hành 19.567.100 cổ phiếu với giá bán 8.400 đồng/cổ phiếu cho các nhà đầu tư, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	195,671,000,000	164,363,640,000
Phát hành 7.000.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu cho các nhà đầu tư, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	70,000,000,000	70,000,000,000
Cộng	265,671,000,000	234,363,640,000

(b) Thặng dư vốn cổ phần giảm trong năm do phát hành 19.567.100 cổ phiếu với giá bán là 8.400 đồng/cổ phiếu là 31.307.360.000 đồng và chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu là 100.000.000 đồng.

(c) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong năm do:	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	277,708,620
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	138,854,310
(Tăng) / Giảm khác	(20,375,759)
Cộng	396,187,171

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần	Năm nay	Năm trước
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1,276,168,684,716	1,392,683,918,841
Doanh thu xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	2,933,125,795	722,723,926
Doanh thu các hợp đồng thi công công trình	124,565,827,915	152,148,351,201
Doanh thu từ chuyển nhượng 4.000 ha đất trồng rừng	22,931,794,219	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35,389,729,440	4,791,181,052
Cộng doanh thu	1,461,989,162,084	1,550,346,175,020
<i>Trừ các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>(3,256,043,778)</i>	<i>(5,035,164,253)</i>
Doanh thu thuần	1,458,733,118,306	1,545,311,010,767

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	1,061,295,275,686	1,144,251,822,574
Giá vốn xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	2,921,555,704	722,723,926
Giá vốn thi công công trình	84,535,602,279	91,257,427,174
Giá vốn từ chuyển nhượng 4.000 ha đất trồng rừng	13,704,608,272	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19,413,392,372	3,345,841,904
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	713,426,288	994,124,086
Cộng	1,182,583,860,600	1,240,571,939,664

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2,282,580,000
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	7,321,358,105	1,545,227,294
Lãi chênh lệch tỷ giá	5,254,222,182	1,425,739,619
Thu nhập từ hoạt động góp vốn liên doanh phân bổ trong kỳ	3,652,522,825	3,652,522,825
thu hoạt động tài chính khác	-	13,660,953
Cộng	16,228,103,111	8,919,730,691

4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	151,979,159,742	206,691,860,487
Lãi vay được xóa (*)	(104,024,288,074)	-
Lãi trả chậm thanh toán	259,905,723	2,783,353,121
Lỗi chênh lệch tỷ giá	15,004,870,838	8,397,992,271
Lỗi từ việc bán cổ phiếu Công ty CP Sông Hậu	10,448,288,000	-
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(12,226,720,001)	-
Phí ngân hàng	1,604,837,162	713,632,012
Chi phí tài chính khác	449,362,165	586,312,363
Cộng	63,495,415,556	219,173,150,254

() Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam được xóa tính đến ngày 18/6/2014 theo Biên bản thỏa thuận ngày 15/4/2014 giữa DATC và Công ty; Hợp đồng mua bán nợ số 19/2014/HĐ-MBN ngày 27/6/2014; và Công văn số 494/MBN-PMBN ngày 31/7/2014 về việc chuyển giao quyền chủ nợ đối với các khoản phải thu tại Tập đoàn.*

5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1 4,316,964,794	1,588,693,727
Chi phí vật liệu bao bì	137,654,346	16,131,428
Chi phí khấu hao TSCĐ	17,108,759	95,116,876
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	3,431,764,917	1,857,363,598
Chi phí xuất hàng	4,693,137,288	2,905,413,657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,279,501,784	4,229,656,879
Chi phí bằng tiền khác	2,562,420,767	1,931,502,241
Cộng	20,438,552,655	12,623,878,406

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	61,307,419,128	48,544,737,976
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2,146,655,913	3,495,138,089
Chi phí khấu hao TSCĐ	3,183,767,080	3,105,870,249
Thuế, phí và lệ phí	8,377,393,132	5,203,370,187
Chi phí dự phòng	15,767,112,796	3,321,859,666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,985,748,524	7,568,026,770
Chi phí bằng tiền khác	6,004,806,649	6,351,854,942
Cộng	103,772,903,223	77,590,857,879

7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	411,073,470	5,507,277,417
Thu nhập do bán phế liệu, công cụ dụng cụ	253,073,998	119,741,880
Thu phí lưu kho, tiền điện, tiền cho thuê mặt bằng, cho thuê xe,...	590,693,183	10,605,009,394
Thu nhập do phạt vi phạm	1,598,519,857	-
Thu nhập từ xử lý tài sản, các khoản phải trả	1,533,217,861	4,321,755,143
Thu nhập từ việc thu hộ	1,370,141,587	-
Thu nhập từ nhận bồi thường, hỗ trợ, bảo hiểm	898,554,534	332,883,541
Thu nhập khác	806,862,121	733,491,078
Cộng	7,462,136,612	21,620,158,453

8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ, phế liệu thanh lý, nhượng bán	157,725,407	4,644,598,896
Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm	17,175,757,956	8,643,100,520
Chi phí phạt vi phạm, bồi thường	1,590,525,234	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án ngừng hoạt động, chi phí khấu hao của tài sản không hoạt động,...	1,265,612,520	2,488,750,042
Chi phí liên quan đến việc cho thuê mặt bằng,...	405,077,182	10,604,211,181
Xử lý công nợ	112,131,421	245,531,416
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra	-	128,967,039
Chi phí thiệt hại do cháy rừng	1,507,512,605	-
Chi phí từ việc thu hộ	1,371,670,200	-
Chi phí khác	1,512,413,921	2,043,324,362
Cộng	25,098,426,445	28,798,483,456

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	67,184,049,520	(4,693,124,438)
Trong đó:		
• Lợi ích của cổ đông thiểu số / (lỗ)	(3,435,898,015)	(8,562,489,059)
• Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	70,619,947,535	3,869,364,621
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	70,619,947,535	3,869,364,621
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	77,559,484	51,008,903
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	911	76

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- ▶ **Chế biến gỗ**
- ▶ **Trồng rừng**
- ▶ **Khác**

- Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: triệu đồng

	Chế biến gỗ			Trồng rừng			Khác			Loại trừ			Hợp nhất	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu thuần														
Từ khách hàng bên ngoài	1,181,220	1,491,078	15,143	3,754	262,371	50,479	-	-	1,458,733	-	-	-	1,458,733	1,545,311
Giữa các bộ phận	2,084,569	1,229,395	19,146	19,793	-	-	(2,103,715)	(1,249,189)	-	(2,103,715)	(1,249,189)	-	-	-
Tổng cộng	3,265,788	2,720,473	34,289	23,547	262,371	50,479	(2,103,715)	(1,249,189)	1,458,733	(2,103,715)	(1,249,189)	1,458,733	1,458,733	1,545,311
Kết quả hoạt động kinh doanh														
Kết quả của bộ phận	256,724	300,345	(2,477)	521	42,027	4,195	(20,124)	(321)	276,149	(20,124)	(321)	276,149	304,739	
Chi phí không phân bổ	116,501	87,180	6,016	2,059	2,131	2,229	(437)	(1,254)	124,211	(437)	(1,254)	124,211	90,215	
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	140,223	213,165	(8,493)	(1,538)	39,895	1,966	(19,687)	933	151,938	(19,687)	933	151,938	214,524	
Thu nhập tài chính	13,992	6,163	6,516	7,130	2	3	(4,282)	(4,377)	16,228	(4,282)	(4,377)	16,228	8,920	
Chi phí tài chính	73,788	233,107	7,155	8,143	2,939	3,892	(20,387)	(25,969)	63,495	(20,387)	(25,969)	63,495	219,173	
Lợi nhuận khác	(11,127)	(3,470)	(1,075)	(1,541)	(1,397)	(1,168)	(4,037)	(999)	(17,636)	(4,037)	(999)	(17,636)	(7,178)	
Lãi, lỗ công ty liên kết	-	-	(1,958)	(860)	(151)	(405)	-	-	(2,109)	-	-	(2,109)	(1,265)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22,110	520	-	-	-	-	(4,368)	-	17,741	(4,368)	-	17,741	520	
Lợi nhuận sau thuế	47,191	(17,769)	(12,166)	(4,953)	35,410	(3,496)	(3,251)	21,526	67,184	(3,251)	21,526	67,184	(4,693)	
Lợi ích cổ đông thiểu số	(2,135)	(7,730)	(3,491)	(426)	2,190	(407)	-	-	(3,436)	-	-	(3,436)	(8,562)	
Lợi nhuận của cổ đông														
Công ty mẹ	49,326	(10,039)	(8,675)	(4,527)	33,220	(3,090)	(3,251)	21,526	70,620	(3,251)	21,526	70,620	3,870	

Đơn vị tính: triệu đồng

Các thông tin khác	Bình Dương		Đắk Lắk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản của bộ phận	4,120,884	3,379,428	1,054,136	875,245	76,680	144,206	181,307	50,009	(1,426,383)	5,084	4,006,624	3,516,503
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	866	818									715	1,534
Tài sản không phân bổ												
Tổng tài sản	4,121,750	3,380,246	1,054,136	875,245	76,680	144,206	181,307	50,009	(1,421,300)	5,084	4,012,574	3,518,037
Nợ phải trả của bộ phận	2,740,611	2,293,375	954,050	749,893	15,345	81,615	113,123	23,350	(1,061,030)		2,762,099	2,570,448
Nợ phải trả không phân bổ												
Tổng nợ phải trả	2,740,611	2,293,375	954,050	749,893	15,345	81,615	113,123	23,350	(1,061,030)		2,762,099	2,570,448
Chi mua sắm tài sản	3,821	14,967	20,577	3,424	-	-	-	-	-	-	24,398	18,391
Chi phí khấu hao	23,452	24,004	9,880	10,064	1,555	1,620	-	3	149	149	35,037	35,841



2. Cam kết phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành có các khoản cam kết phân chia lợi nhuận theo các hợp đồng hợp tác đầu tư như sau:

► Theo hợp đồng liên kết số 01/TTC-BQLM'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất bao gồm nhưng không giới hạn 690,84 ha (được giao khoán cho các hộ dân theo chương trình 661) thuộc các tiểu khu 790, 786, 781, 759, 782, 762 nằm trên địa bàn hành chính của 04 xã: Cư M'ta, Ea Trang, EA M'Đoan và Cư Króa huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak. Diện tích này sẽ đưa vào liên kết trồng rừng với Công ty cụ thể là: năm 2008 liên kết trồng mới 154,1 ha, năm 2010 liên kết trồng mới 118,7 ha, năm 2011 liên kết trồng mới 177,9 ha, năm 2012 liên kết trồng mới 139,8 ha, năm 2013 liên kết trồng mới 100,34ha. Ngoài ra, BQLDA góp không quá 20% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu không tính lãi suất từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (số vốn này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Các hộ dân sẽ là người trực tiếp tiến hành trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng được thực hiện cụ thể thông qua hợp đồng giao khoán. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 40% (trong đó BQLDA 10%, người dân 30%), 60% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

► Theo hợp đồng liên kết số 03/TTC-CTLN M'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất 600 ha rừng phòng hộ thuộc 02 tiểu khu 797, 802 nằm trên địa bàn hành chính xã Ea Trang huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak và tham gia quản lý, tổ chức trồng chăm sóc quản lý phòng chống cháy rừng và các hoạt động khác theo quy trình kỹ thuật của Công ty. Doanh thu có được khi kết thúc mỗi đợt tỉa thưa/khai thác sẽ được phân chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak 10% và Công ty 90%, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng là 48 năm.



► Theo hợp đồng liên kết số 04/TTC-CTLN LAK ngày 12/3/2009 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 4.800 ha và góp khoảng 1,4 tỷ đồng vào suất đầu tư đối với chu kỳ sản xuất đầu (số tiền này từ nguồn vốn đã đầu tư vào 67,6 ha rừng trồng năm 2004 tại tiểu khu 1407 - 1415), số tiền từ định giá khu rừng trồng 161 ha tại các tiểu khu 1407 - 1408 sau khi hai bên thống nhất sẽ ghi vốn bổ sung. Tỷ lệ phân chia doanh thu (bằng tiền hoặc sản phẩm gỗ) sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp Lak 7% doanh thu (sau khi trừ chi phí khai thác/chi phí tĩa thừa nhưng không bao gồm các khoản thuế theo quy định và tiền thuê đất "nếu có"), 93% còn lại (sau khi trừ chi phí như trên) sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hơn sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng 50 năm.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

► Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) vào Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03-12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 8 năm 2012. Theo Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên 2014 ngày 29/4/2014, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu hoán đổi toàn bộ số cổ phần của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) với số lượng là 4.523.900 cổ phần và tỉ lệ hoán đổi là 1:1.

► Theo Nghị Quyết HĐQT số 22-14/NQ-HĐQT ngày 11/12/2014, đã thống nhất phương án phát hành 30 triệu cổ phiếu trong năm 2015.

► Công ty đang tiến hành các thủ tục để đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo số vốn điều lệ mới tăng thêm.

Ngoài sự kiện những như đã nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



1. Rủi ro thị trường

1.1 Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD là như sau:		Tại ngày 31/12/2014	
Tài sản tài chính	USD	VND tương đương	
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	27,233.45	581,606,217	
Phải thu khách hàng	15,230,886.95	322,369,359,784	
Ký quỹ	4,020.00	85,923,480	
Tổng cộng	15,262,140.40	323,036,889,482	
Nợ tài chính			
Vay và nợ ngắn hạn	29,318,585.99	626,479,545,434	
Phải trả người bán	2,143.63	45,817,916	
Chi phí phải trả (Chi phí lãi vay)	1,346,199.00	28,765,580,232	
Tổng cộng	30,666,928.62	655,290,943,582	
Mức rủi ro tiền tệ	(15,404,788.22)	(332,254,054,100)	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho năm

tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là **(16.612.702.705)** đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.



1.2 Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

1.3 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tại ngày 31/12/2014

Tài sản có lãi suất

Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	49,067,000,000
Cho vay ngắn hạn	28,941,064,000
Cho vay dài hạn	19,000,000,000
Tổng	97,008,064,000

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 1.935.739.320 đồng (A).

Nợ phải trả có lãi suất

Các khoản vay, nợ phải trả	1,956,193,299,797
Tổng	1,956,193,299,797

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 39.229.529.442 đồng (B).

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = (37.188.126.676) đồng.





2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

► **Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ

thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

► **Số dư ngân hàng**

Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

► **Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị**

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu khác và cho vay của Tập đoàn không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 737.971.530.211 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

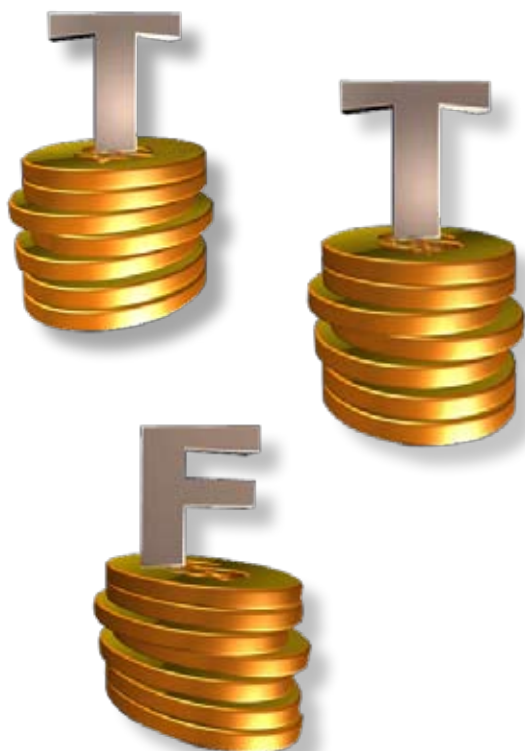
Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	Tại ngày 31/12/2014
Tổng gộp	42,128,415,277
Trừ dự phòng giảm giá trị	(26,741,352,122)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	15,387,063,155
Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm (01/01/2014)	(10,974,239,326)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(15,767,112,796)
Giảm	-
Số dư cuối năm (31/12/2014)	(26,741,352,122)

3. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Tập đoàn ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.



3. Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	1,858,302,549,797	97,890,750,000	1,956,193,299,797
Phải trả người bán	206,920,358,256	-	206,920,358,256
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	99,704,786,770	-	99,704,786,770
Phải trả người lao động	32,528,473,144	-	32,528,473,144
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	379,346,274,681	1,000,000,000	380,346,274,681
Tổng cộng	2,576,802,442,648	98,890,750,000	2,675,693,192,648

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là rất cao. Tập đoàn đang trong tiến trình làm việc với các Ngân hàng nhằm đạt được giải pháp thu xếp vốn hợp lý.

► Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp, cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản nợ phải thu sẽ hình thành trong tương lai cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (thuyết minh tại mục số V.3, 4, 6, 7, 11.1, và 18.1 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính hợp nhất).

Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

► Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.



Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 31/12/2014	Giá trị sổ sách	So sánh giá trị thuần với giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Đầu tư ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn	49,067,000,000	-	-	49,067,000,000	-
Cho vay ngắn hạn	28,941,064,000	-	-	28,941,064,000	-
Các khoản đầu tư dài hạn					
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	96,191,518,700	-	(5,103,035,364)	91,088,483,336	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (thuộc đầu tư dài hạn khác)	76,467,364,766		(104,239,264)	76,363,125,502	(104,239,264)
Cho vay dài hạn	19,000,000,000	-	-	19,000,000,000	-
Tổng cộng	269,666,947,466	-	(5,207,274,628)	264,459,672,838	(104,239,264)

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐỖ NGỌC NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐÀO NGỌC QUYẾT

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH

MGM GRAND HỒ TRÀM BEACH

Hạng mục: Trang trí Nội thất

Địa điểm: Xuyên Mộc, Bà Rịa Vũng Tàu



**HÌNH ẢNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU
DO TTF THI CÔNG**



FINANCIAL TOWER-HONG KONG

Hạng mục: Trang trí Nội thất Ván Sàn

Địa điểm công trình: Hồng Kông



VINCOM CENTER

Hạng mục: Trang trí Nội thất Ván Sàn
Địa điểm: Hai Bà Trưng, Hà Nội



KHU THƯƠNG MẠI, KHÁCH SẠN, VĂN PHÒNG, KHÁCH SẠN CAO CẤP - VINCOM CENTER - KHU B EDEN

Hạng mục: cung cấp & lắp đặt sàn
gỗ trong nhà, sàn decking chịu nước,
cửa gỗ indoor & outdoor
Địa điểm: Q.1, TP.HCM



VINCOM CENTER EDEN A

Hạng mục: Trang trí Nội thất
Địa điểm: Thành Phố .Hồ Chí Minh



KHU CHUNG CƯ PHÚ MỸ THUẬN

Hạng mục: Trang trí Nội thất Cửa

Địa điểm công trình: Nhà Bè, TP.HCM



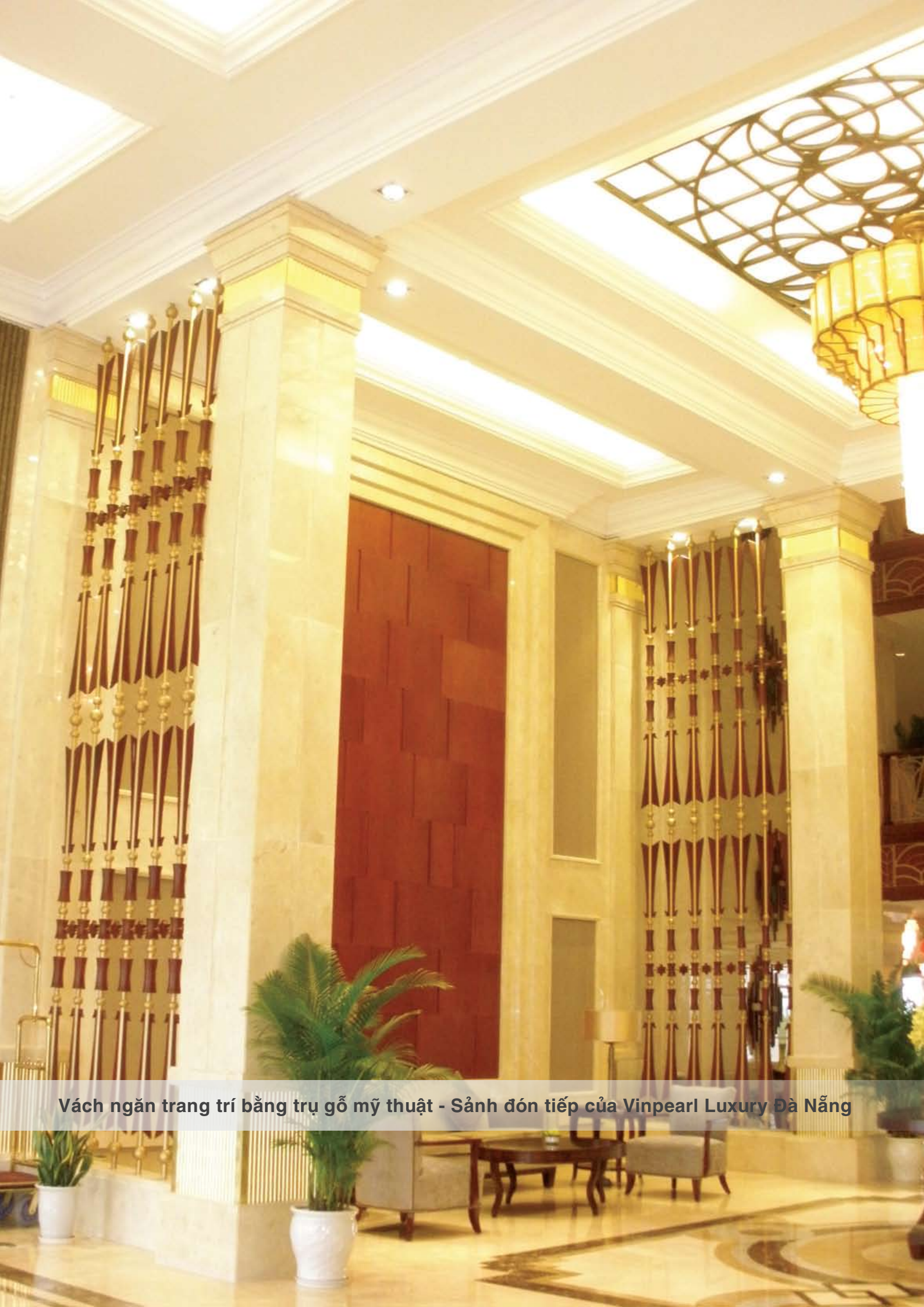
RESORT 5 SAO VINPEARL NHA TRANG

Hạng mục: Trang trí Nội thất Ván Sàn

Địa điểm công trình: Nha Trang - Khánh Hòa







Vách ngăn trang trí bằng trụ gỗ mỹ thuật - sảnh đón tiếp của Vinpearl Luxury Đà Nẵng

TÀU DU LỊCH 5 SAO AMALOTUS

Hạng mục: Trang trí Nội thất

Địa điểm công trình: TP.HCM



TÀU DU LỊCH 5 SAO THUYỀN VÀNG 9999

Hạng mục: Trang trí Nội thất

Địa điểm công trình: Thành phố Hạ Long



ROYAL CITY

Hạng mục: Cửa gỗ, Ván sàn
gỗ Solid và Ván sàn gỗ kỹ
thuật cao

Địa điểm: Thanh Xuân - Hà Nội





FURAMA VILLAS ĐÀ NẴNG

Hạng mục: Cửa, Lan can, Ban công, Diềm mái, Ván sàn, Cầu thang, Tủ bar, Tre trang trí, Decking chịu nước, nội thất Fitout và nội thất rời

Địa điểm: Trường Sa, Khuê Mỹ, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng



PHỤ LỤC



PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I. CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY:

- Trồng rừng để duy trì sự ổn định nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ nói chung, và Công ty nói riêng;
- Trồng rừng để góp phần chống lại biến đổi của khí hậu và làm tăng mức sạch cho sinh quyển;
- Mua gỗ có nguồn gốc khai thác phù hợp theo các chuẩn mực quốc tế như Đạo luật Lacey của Mỹ, Hiệp định FLEGT của EU, hoặc gỗ từ rừng có chứng nhận FSC (rừng được quản lý theo các tiêu chí bền vững);
- Phát triển các sản phẩm đảm bảo an toàn cho người lao động và người sử dụng theo các tiêu chuẩn về an toàn (hoá học, cơ lý, đóng gói) trên thế giới;
- Phát triển dòng sản phẩm dùng phế phẩm trong ngành chế biến gỗ làm nguyên liệu nhằm hạn chế khai thác rừng làm phóng thích carbonic vào khí quyển
- Đào tạo, đào tạo và đào tạo
- Minh bạch với cổ đông và người lao động



Rừng trồng của TTF



Chủ tịch TTF tại buổi lễ công bố bốn thành viên tự nguyện đầu tiên của Mạng lưới Kinh doanh Lâm sản VFTN trực thuộc WWF



II. THỰC TẾ THỰC HIỆN:

- Tiến hành dự án trồng 100.000 ha rừng tại Việt Nam (Phú Yên, Dak Lak, Dak Nông) từ năm 2007. Đến nay, dù trải qua nhiều năm rất khó khăn về tài chính, Tập đoàn cũng đã trồng được 12.000 ha. Dự kiến sẽ tiếp tục trồng theo kiểu cuốn chiếu mỗi năm 2.000 ha. Khi tài chính mạnh mẽ sẽ trồng trên 5.000 ha/năm
- Công ty đã thiết lập và được đánh giá cấp chứng nhận C.O.C (truy nguyên nguồn gốc) – một tiêu chuẩn đối với nhà sản xuất dòng hàng có quyền treo nhãn FSC trên sản phẩm – từ hơn 12 năm trước. Do đó, Công ty đã tiếp cận được phần lớn các khách hàng lớn có chung tiêu chí phát triển bền vững trong kinh doanh sản phẩm gỗ. Ngoài ra, TTF còn gia nhập vào Mạng lưới kinh doanh lâm sản có trách nhiệm của WWF từ năm 2005 (là một trong 4 thành viên tự nguyện đầu tiên)
- 100% gỗ đã mua có nguồn gốc hợp pháp, trong đó khoảng 30% có chứng nhận FSC. Công ty đã vượt qua 100% các cuộc đánh giá của nhà mua hàng trên thế giới về nguồn gốc gỗ với đầy đủ tài liệu chứng minh và khả năng truy nguyên
- Để sản xuất ván nhân tạo cho ngành chế biến gỗ, Công ty đã không dùng keo có độc tố formaldehyde, mà chuyển qua dùng keo đạt tiêu chuẩn E0 của Châu Âu và F**** của Nhật Bản



- Trong khi trên thế giới và Việt Nam, có nhiều nhà sản xuất giấy phải dùng chip gỗ (dăm gỗ) lấy từ rừng 5-7 tuổi. Đây là hành động thu hoạch như là sản phẩm nông nghiệp, vô tình kích thích khai thác rừng non sớm hơn chu kỳ, làm phóng thích carbonic từ kho chứa là rừng non, đồng nghĩa với việc làm tăng carbonic trong sinh quyển và gây tổn hại tài nguyên đất đai. Trong khi đó, TTF dùng gỗ từ rừng đến tuổi khai thác phù hợp (ít nhất cũng trên 10 năm đối với gỗ Tràm/Keo), hoặc dùng phế phẩm từ sản xuất, mùn cưa, dăm bào để làm ván nhân tạo – quá trình chế biến này chỉ tạo ra ít hơn 10% phát thải thay cho 100% nếu sử dụng chúng làm chất đốt như thông thường
- Cung cấp ra thị trường những sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn về cơ lý và hoá học (BS EN 581, BRC, CARB...), về đóng gói (ISTA)...
- Phát triển một số dòng sản phẩm với Sơn gốc nước không độc tố, cụ thể là hàng hoá xuất khẩu cho IKEA và dòng sản phẩm trẻ em cho một số thị trường
- Duy trì việc trao học bổng hằng năm cho Đại học Nông Lâm TPHCM khi có khả năng về tài chính
- Luôn tạo điều kiện cho các sinh viên trong nước và ngoài nước đến Công ty nghiên cứu, học hỏi và thực tập
- Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo tại Công ty với tần suất tối thiểu 20 ngày mỗi năm cho mỗi người lao động
- Tuân thủ Luật Lao động của Việt Nam, của ILO và một số yêu cầu của khách hàng trên toàn thế giới
- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật. Tối đa hoá lợi nhuận cho cổ đông nhưng vẫn đảm bảo kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng
- Thiết lập chính sách bền vững ngay cả cho nhà cung cấp và khách hàng của Công ty





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

ĐC: Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Yên Hưng, Thị Xã Tân Uyên, Bình Dương

Tel: (0650) 3 642 004 - Fax: (0650) 3 642 006

Email: contact@truongthanh.com - Website: www.truongthanh.com